

**Báo cáo bổ sung của NGO cho báo cáo định kỳ  
lần thứ ba, thứ tư của Chính phủ về kết quả thực hiện  
Công ước Liên Hợp quốc về Quyền trẻ em tại Việt Nam  
Giai đoạn 2002-2007**

2011

## Lời nói đầu

Bản báo cáo này là báo cáo của các tổ chức Phi chính phủ bổ sung cho Báo cáo Định kỳ Quốc gia lần thứ ba và thứ tư của Chính phủ Việt Nam về việc thực hiện Công ước Quyền Trẻ em (CRC) giai đoạn 2002 - 2007. Mục tiêu của báo cáo là đưa ra quan điểm của các tổ chức Phi chính phủ (NGO) về tình hình thực hiện Quyền Trẻ em ở Việt Nam, đưa ra các khuyến nghị cho Báo cáo quốc gia để tăng cường và hỗ trợ công việc của Chính phủ về quyền trẻ em, và đưa ra kinh nghiệm của các tổ chức Phi chính phủ về việc thực hiện CRC tại Việt Nam. Điểm quan trọng hơn nữa là báo cáo này bày tỏ quan điểm của trẻ em Việt Nam. Những lời trích dẫn trực tiếp từ trẻ em được đưa vào phần chính của báo cáo, trong đó quan điểm và những kiến nghị của trẻ được phản ánh một cách chi tiết hơn trong báo cáo tham vấn trẻ em, kèm theo trong Phụ lục I của báo cáo này.

Báo cáo này được xây dựng dựa trên sự kết hợp giữa kinh nghiệm làm việc thực tế và kiến thức thuộc các chủ đề/lĩnh vực hoạt động của các tổ chức NGO có liên quan, và do vậy báo cáo không đề cập đến tất cả các điều khoản của CRC. Báo cáo đã xác định sáu lĩnh vực chủ chốt để đưa ra các kết luận và khuyến nghị, bao gồm:

- Các hệ thống bảo vệ trẻ em cấp quốc gia và địa phương
- Tăng cường vai trò của Bộ Lao động, Thương binh và Xã Hội (BLĐTB&XH)
- Thi hành luật
- Thanh tra độc lập về trẻ em
- Sự tham gia của trẻ em
- Thu thập dữ liệu

Một số tổ chức NGO quốc tế (INGO) và Việt Nam (LNGO) hoạt động trong lĩnh vực quyền trẻ em và các vấn đề trẻ em tại Việt Nam đã tham gia vào quá trình viết báo cáo này thông qua việc đóng góp nguồn lực về tài chính, nhân sự cũng như tham gia soạn thảo báo cáo. Để phục vụ việc soạn thảo nội dung, thảo luận, kiểm tra và đối chứng thông tin, một nhóm công tác của các tổ chức NGO đã được thành lập dưới sự điều phối của tổ chức Cứu trợ Trẻ em Thụy Điển. Trung tâm Dữ liệu các tổ chức Phi chính phủ hỗ trợ việc liên hệ với các tổ chức LNGO, cung cấp địa điểm và nhân sự cho các cuộc họp/hội thảo. .

Các tổ chức sau đây đã tham gia đóng góp cho bản báo cáo:

CeSVI (humanitarian organization for cooperation and development)  
ChildFund  
Enfants&Developpement in Vietnam  
Italian Association for Aid to Children (CIAI)  
Plan in Vietnam  
Saigon Children's Charity  
Save the Children in Vietnam  
Terre des hommes Foundation (Lausanne, Switzerland)  
Vietnam Association for Protection of Child Rights  
VUFO-NGO Resource Centre  
World Vision

# MỤC LỤC

<b>Lời nói đầu .....</b>	<b>2</b>
<b>Quá trình thực hiện .....</b>	<b>5</b>
<b>Tình hình chung của trẻ em Việt Nam trong giai đoạn 2002-2007 .....</b>	<b>7</b>
<b>Các kết luận và những khuyến nghị chủ yếu.....</b>	<b>7</b>
Hệ thống bảo vệ trẻ em cấp quốc gia và địa phương .....	7
Tăng cường vai trò của Bộ LĐTB&XH và Cục Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em.....	8
Thi hành pháp luật.....	8
Thanh tra độc lập về trẻ em .....	8
Sự tham gia của trẻ em .....	8
Thu thập dữ liệu .....	8
<b>I. Các phương pháp tổng thể trong việc thực hiện .....</b>	<b>9</b>
i. Sự hài hòa giữa Công ước và luật pháp quốc gia .....	9
ii. Sự phối hợp và các kế hoạch hành động quốc gia .....	9
iii. Theo dõi và đánh giá độc lập.....	10
iv. Phân bổ nguồn lực.....	10
v. Hợp tác với xã hội dân sự.....	11
vi. Thu thập dữ liệu .....	11
vii. Tuyên truyền và phổ biến Công ước quốc tế về Quyền trẻ em .....	12
<b>II. Khái niệm về trẻ em (Điều 1) .....</b>	<b>12</b>
<b>III. Các nguyên tắc chung.....</b>	<b>13</b>
Không phân biệt đối xử (Điều 2) .....	13
Vì lợi ích tốt nhất của trẻ em (Điều 3) .....	14
Quyền được sống, tồn tại và phát triển (Điều 6) ;.....	14
Tôn trọng quan điểm của trẻ em (Các điều 12, 13, 14, 15).....	14
<b>IV. Quyền công dân và tự do .....</b>	<b>16</b>
Tên và quốc tịch (Điều 7).....	16
Ngược đãi và bạo hành (Các điều 19, 34, 35, 37a và điều 39).....	17
<b>V. Môi trường gia đình và Chăm sóc thay thế.....</b>	<b>19</b>
Nhận con nuôi (Điều 21).....	19
Chuyển giao bất hợp pháp và không hoàn trả (Điều 11).....	21
<b>VI. Chăm sóc y tế cơ bản và phúc lợi.....</b>	<b>22</b>
Trẻ khuyết tật (Điều 23) .....	22
Y tế và các dịch vụ y tế (Điều 24) .....	22
HIV/AIDS (Điều 2, 24, 25) .....	22
<b>VII. Giáo dục, vui chơi và các hoạt động văn hoá .....</b>	<b>25</b>
Giáo dục (Điều 2, 28, 29) <i>Khuyến nghị cuối cùng số 48</i> .....	25
Quyền được tiếp cận giáo dục (Điều 28).....	25
Quyền được giáo dục có chất lượng (Điều 29).....	26
Giáo dục hoà nhập và trẻ khuyết tật (Điều 2, 23, 28) .....	28
Vui chơi và giải trí (Điều 31).....	29
Quyền được sống, sống còn và quyền được phát triển (Điều 6 đoạn 2) .....	29
<b>VIII. Các biện pháp bảo vệ đặc biệt.....</b>	<b>31</b>
Trẻ em làm trái pháp luật (Điều 37 (b)-(d), 39, 40).....	31

Trẻ em trong các trường hợp bị bóc lột.....	33
Bóc lột tình dục và xâm hại tình dục (Điều 34).....	33
Di cư (Các điều 2, 24, 28, 32, 40).....	33
Buôn bán và bắt cóc trẻ em (Các điều 10, 11, 34, 35, 39) .....	33
Trẻ em dân tộc thiểu số (Điều 30) .....	35
<b>PHỤ LỤC I: BÁO CÁO THAM VẤN TRẺ EM.....</b>	<b>36</b>
Giới thiệu chung.....	36
Quá trình thực hiện.....	36
Kết quả .....	37
Quan điểm và đề xuất của Trẻ em .....	38
<b>PHỤ LỤC II: THÔNG TIN CƠ BẢN.....</b>	<b>49</b>
Hài hoà hoá nội luật và Công ước quốc tế .....	49
Hợp tác với xã hội dân sự.....	49
Bạo hành và ngược đãi đối với trẻ em .....	49
HIV/AIDS.....	49
Giáo dục .....	50
Giáo dục hoà nhập và trẻ em khuyết tật .....	50
Buôn bán và bắt cóc trẻ em .....	51
<b>PHỤ LỤC III: THƯ MỤC.....</b>	<b>52</b>
Tình hình chung về trẻ em Việt Nam giai đoạn 2002-2007 .....	52
Hài hoà hoá giữa Công ước và Luật pháp quốc gia .....	52
Các nguồn thông tin .....	52
Không phân biệt đối xử.....	52
Tên và Quốc tịch.....	52
Ngược đãi và bạo hành trẻ em .....	53
Y tế và dịch vụ chăm sóc sức khoẻ.....	53
Giáo dục .....	53
Chung .....	53

## Quá trình thực hiện

Đây là Báo cáo bổ sung đầu tiên của các tổ chức Phi chính phủ cho Báo cáo quốc gia của Chính phủ Việt Nam về kết quả thực hiện Công ước Quyền trẻ em (CRC). Báo cáo này là cơ hội quan trọng cho các tổ chức xã hội dân sự trong nước và quốc tế làm việc trong lĩnh vực trẻ em ở Việt Nam đưa ra nhận xét về những thành tựu mà Chính phủ đã đạt được trong giai đoạn 2002 - 2007.

Quá trình xây dựng báo cáo bắt đầu thực hiện từ đầu năm 2007 thông qua việc tổ chức các buổi họp do Nhóm Công tác về Quyền Trẻ em (CRWG) chủ trì tại Liên Hiệp các Tổ chức Hữu nghị Việt Nam - Trung tâm Dữ liệu Các tổ chức Phi chính phủ. Tháng 6 năm 2007, 4 tổ chức Phi chính phủ quốc tế và 2 tổ chức Phi chính phủ trong nước được CRWG uỷ quyền để thành lập Tiểu nhóm hành động độc lập của các tổ chức Phi Chính Phủ, chịu trách nhiệm soạn thảo Báo cáo bổ sung về tình hình thực hiện công ước quyền trẻ em, giai đoạn 2002 - 2007. Tiểu nhóm này làm nhiệm vụ huy động các Tổ chức xã hội dân sự Việt Nam tham gia xây dựng báo cáo, là diễn đàn để thảo luận và hình thành quy trình xây dựng báo cáo. Tiểu nhóm hành động này có trách nhiệm báo cáo cho Nhóm Công tác về Quyền Trẻ em (CRWG).

Các nguyên tắc được tuân thủ khi lập báo cáo bổ sung là:

1. Ưu tiên sự tham gia của trẻ em và quan điểm của trẻ em
2. Ưu tiên sự tham gia của các tổ chức xã hội dân sự;
3. Đảm bảo tính minh bạch với Chính phủ Việt Nam

Thành viên của Nhóm đã xác định các lĩnh vực chủ yếu cần tập trung và đưa ra các báo cáo ngắn về một số lĩnh vực lựa chọn theo chủ đề. Các thành viên của Nhóm công tác đã đóng góp phần nội dung theo các lĩnh vực chủ chốt thuộc lĩnh vực chuyên môn của họ, bao gồm: ChildFund về nội dung Vui chơi và Giải trí của trẻ em, CIAI (Hiệp hội quỹ hỗ trợ cho trẻ em của Ý) về chủ đề Con nuôi, Plan về Tôn trọng quan điểm của trẻ em và Quyền được hưởng Giáo dục của trẻ, Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Anh về HIV/AIDS, Di cư và Buôn bán trẻ em, Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Thụy Điển và CSAGA về ngược đãi và bạo hành trẻ em, Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Thụy Điển về Giáo dục hoà nhập và trẻ em khuyết tật, RCGAD (Trung tâm nghiên cứu về Giới và Phát triển) cũng có những đóng góp cho các nội dung ban đầu. Các tổ chức Phi chính phủ trong nước đã tham gia hội thảo tham vấn giới thiệu về Báo cáo bổ sung. Một hội thảo lớn đã được tổ chức với sự tham gia của các tổ chức NGO trong nước và quốc tế để tạo cơ hội cho các tổ chức nhận xét về cả hai bản Dự thảo báo cáo quốc gia và Dự thảo các báo cáo ngắn theo chủ đề. Đại diện của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã tham dự và giới thiệu về Báo cáo quốc gia tại cả hai buổi hội thảo này.

Trong quá trình tham vấn, các vấn đề bổ sung như: chăm sóc thay thế cho trẻ em, cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản và tính dễ tổn thương của trẻ em với thiên tai đã được nhắc đến. Tuy nhiên trong khuôn khổ hạn chế của Báo cáo bổ sung và năng lực của nhân sự trong việc chuẩn bị các thông tin, báo cáo quyết định chỉ đề cập đến những lĩnh vực mấu chốt đã được thống nhất trước đó.

Trong tháng 1 và tháng 2 năm 2008, sáu cuộc tham vấn trẻ em về các vấn đề trong Báo cáo bổ sung về quyền trẻ em đã được tổ chức ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam Việt Nam với sự tham gia của 339 em nam, nữ ở độ tuổi từ 10 -16. Quan điểm và kiến nghị của các em đã được phản ánh trong Báo cáo tham vấn trẻ em là Phụ lục 1 của Báo cáo bổ sung này.

Dự thảo cuối cùng của Báo cáo này cũng đã được chia sẻ với phía Chính phủ Việt Nam tháng 5 năm 2010.

Nhóm công tác về Quyền trẻ em thông qua Báo cáo này tháng 3 năm 2011.

# Tình hình chung của trẻ em Việt Nam trong giai đoạn 2002-2007

Việt Nam trong thời gian qua đã đạt được những thành tựu phát triển đầy ấn tượng, như GDP trung bình tăng 7.7% trong giai đoạn 2002 – 2007, tỷ lệ tăng trưởng cao từ 7.08% năm 2002 đến 8,48% năm 2007<sup>1</sup>, và tỷ lệ đói nghèo giảm từ 58.1%<sup>2</sup> năm 1993 xuống còn 14.84%<sup>3</sup> năm 2007. Trong giai đoạn 2002 - 2007, mặc dù Việt Nam đã đạt được những tiến bộ lớn cấp quốc gia trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản, chăm sóc sức khỏe và tiếp cận phổ cập giáo dục tiểu học<sup>4</sup>, vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề kinh tế xã hội. Một số vấn đề mới nổi lên phản ánh sự thay đổi to lớn về kinh tế và xã hội diễn ra trong hai thập kỷ vừa qua, đó là khoảng cách kinh tế ngày càng tăng giữa người giàu và người nghèo, giữa khu vực nông thôn và vùng sâu vùng xa với khu vực thành thị. Trong năm 2006<sup>5</sup> tỉ lệ nghèo là 3.9% đối với khu vực thành thị, trong khi ở khu vực nông thôn là 20,4%. Tỷ lệ nghèo là 10,3% đối với nhóm chiếm đa số là Kinh và người Hoa, trong khi với nhóm người dân tộc thiểu số là 52,3%. Các con số này cho thấy thách thức về sự bất bình đẳng và chênh lệch, dẫn tới mối lo ngại ngày càng tăng về những tác động tiêu cực tới quyền của trẻ em thuộc nhóm dễ bị tổn thương nhất. Đó là những trẻ em sống ở vùng sâu, vùng xa, trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em bị nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, trẻ em mồ côi, trẻ em khuyết tật, trẻ em lao động sớm, trẻ em bị bạo hành và xâm hại tình dục, trẻ em lang thang, trẻ em di cư, và trẻ em bị buôn bán. Những nhóm trẻ em này ước tính khoảng 2,62 triệu em<sup>6</sup>. Là một Quốc gia phê chuẩn Công ước quốc tế về Quyền trẻ em, Chính phủ Việt Nam có nghĩa vụ phải bảo vệ quyền của mọi trẻ em, đặc biệt là trẻ em dễ bị tổn thương.

## Các kết luận và những khuyến nghị chủ yếu

### Hệ thống bảo vệ trẻ em cấp quốc gia và địa phương

Mặc dù đất nước đã đạt được những tiến bộ đáng kể nhưng tỉ lệ đói nghèo tại Việt Nam (tháng 7 năm 2007) vẫn ở mức 14.84 %<sup>7</sup> trên tổng dân số, và thực tế khoảng cách về thu nhập ngày càng tăng là lý do đáng lo ngại về ảnh hưởng của nó đối với các trẻ em nghèo nhất tại Việt Nam. Ngày nay, còn một số lượng đáng kể trẻ em Việt Nam, đặc biệt là nhóm trẻ em dễ bị tổn thương (như trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, trẻ em có nguy cơ bị lạm dụng và bạo hành, trẻ khuyết tật, trẻ em lao động sớm, và gần đây là nhóm trẻ di cư ra thành thị và trẻ em bị buôn bán...), và trẻ em vùng sâu vùng xa, chưa thực sự được hưởng lợi từ quá trình tăng trưởng kinh tế nhìn chung rất lạc quan của Việt Nam, trong khi Công ước của Liên Hợp Quốc về quyền trẻ em (CRC) hướng tới tất cả trẻ em. Điều then chốt, đặc biệt đối với trẻ em dễ bị tổn thương, là các em cần được phát hiện sớm, được đối xử phù hợp và được hỗ trợ chăm sóc kịp thời trong chính cộng đồng của các em.

*Do đó, khuyến nghị đối với Chính phủ là cần có những biện pháp xây dựng hệ thống bảo vệ vì lợi ích của những trẻ em dễ bị tổn thương nhất ở cả cấp quốc gia và địa phương. Một hệ thống bảo vệ cấp quốc gia cho trẻ em cần bao gồm các mạng lưới tích cực ở cộng đồng, với sự tham gia của các cán bộ địa phương liên quan, các tổ chức xã hội dân sự, trẻ em và các gia đình của các em, cũng như các cán bộ được đào tạo về chuyên môn để hỗ trợ các em đã từng bị bóc lột và xâm hại.*

<sup>1</sup> Báo cáo quốc gia lần 3 và lần 4 của Việt Nam về thực hiện Công ước Liên Hợp Quốc về quyền trẻ em giai đoạn 2002 – 2007

<sup>2</sup> Báo cáo phát triển Việt Nam 2008, Bảo trợ xã hội, Báo cáo các nhà tài trợ cho cuộc họp tham vấn các nhà tài trợ của Việt Nam - Hà Nội, ngày 6-7 tháng 12 năm 2007

<sup>3</sup> Báo cáo quốc gia lần 3 và lần 4 của Việt Nam về thực hiện Công ước Liên Hợp Quốc về quyền trẻ em giai đoạn 2002 – 2007

<sup>4</sup> Bộ Lao động Thương binh Xã Hội: 2008, 11

<sup>5</sup> Bộ Lao động Thương binh Xã Hội: 2008, 11

<sup>6</sup> Cục Bảo trợ Xã hội, Bộ Lao động Thương binh Xã Hội, 2007

<sup>7</sup> Bộ Lao động Thương binh Xã Hội: 2008, 11.

## **Tăng cường vai trò của Bộ LĐTB&XH và Cục Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em**

Cần cấp thiết làm rõ vai trò trách nhiệm, và có hành động cụ thể để hỗ trợ Cục Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em mới thành lập, thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (BLĐTB&XH). Chính phủ nên hỗ trợ *Cục Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em* để Cục có thể đóng một vai trò tiên phong mạnh mẽ trong chỉ đạo thực hiện Công ước quốc tế về Quyền trẻ em và các Kế hoạch cấp quốc gia cho trẻ em. Chính phủ cần xây dựng năng lực cho các cán bộ làm công tác liên quan tại tất cả các cấp, đặc biệt tại cấp cơ sở, cũng như cung cấp những yếu tố cần thiết để cải thiện khâu thanh tra và thu thập dữ liệu.

## **Thi hành pháp luật**

Như Báo cáo đã đề cập, Việt Nam đã xây dựng được một khung pháp lý tốt với các điều luật phù hợp. Tuy nhiên việc thực thi các điều luật này vẫn còn gặp rất nhiều trở ngại. *Chính phủ nên ưu tiên thi hành những điều luật đem lại lợi ích cho trẻ em và tìm ra những cách thức nhằm rút ngắn sự chậm trễ kéo dài trong triển khai các bộ luật, tăng cường điều phối giữa các cấp khác nhau của Chính phủ, cải thiện tính hiệu quả trong phổ biến pháp luật và thông tin đến các cán bộ công chức, luật sư, thẩm phán, cũng như nâng cao nhận thức về pháp luật của các cán bộ công quyền, các công dân là người lớn và trẻ em.*

## **Thanh tra độc lập về trẻ em**

Chính phủ nên khởi động một dự án thử nghiệm thiết lập một cơ chế độc lập, như cơ quan/cán bộ thanh tra về trẻ em, để giám sát việc thúc đẩy và bảo vệ Quyền trẻ em sao cho phù hợp với điều kiện văn hoá – xã hội của Việt Nam.

## **Sự tham gia của trẻ em**

*Chính phủ nên tạo ra những hệ thống mang tính bền vững và những cơ chế lấy ý kiến của trẻ em khi xây dựng và giám sát việc thực hiện những chính sách và chiến lược. Những hệ thống như vậy nên được đưa vào thực tiễn ở tất cả các cấp và thực hiện đều đặn theo cách thức lồng ghép. Chính phủ và các Tổ chức Phi chính phủ cần cung cấp cho trẻ em, bao gồm những trẻ em thuộc các nhóm yếu thế, các thông tin thân thiện với trẻ, kỹ năng giúp trẻ có thể tham gia và đảm bảo sự tham gia của các em là có ý nghĩa, được phân bổ ngân sách và không mang tính hình thức.*

## **Thu thập dữ liệu**

*Chính phủ cần hỗ trợ để tăng cường việc thu thập dữ liệu liên quan đến trẻ em, và cụ thể là đối tượng trẻ em dễ bị tổn thương như: trẻ có nguy cơ bị xâm hại, trẻ em di cư, trẻ em bị nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, trẻ khuyết tật, trẻ em làm trái pháp luật và lao động trẻ em. Chính Phủ cần xem xét xây dựng năng lực và tăng cường nỗ lực trong việc đáp ứng và hành động dựa trên những bằng chứng và thông tin thu thập được (ví dụ như xác định và theo dõi/quản lý các trường hợp trẻ em dễ bị tổn thương)*



# I. Các phương pháp tổng thể trong việc thực hiện

## i. Sự hài hòa giữa Công ước và luật pháp quốc gia

*Khuyến nghị cuối cùng số 9*

Chỉ trong một thời gian ngắn, Việt Nam đã hài hoà hoá phần lớn các nội luật với Công ước quốc tế về Quyền trẻ em. Để có thông tin về các điều luật quan trọng nhất, xin xem Phụ lục II.

Tuy Việt Nam đã đạt được kết quả đáng ghi nhận trên đây nhưng vẫn tồn tại khoảng cách về sự hài hoà của nội luật - thường thấy trong lĩnh vực tư pháp vị thành niên. Thậm chí ngay cả khi đã có luật thì việc thực thi các điều luật này vẫn còn gặp rất nhiều trở ngại, như chi tiết trong báo cáo đã nêu rõ. Những trở ngại trên bao gồm:

- Sự chậm trễ trong việc thực hiện các điều luật. Các điều luật đã được Quốc hội thông qua vẫn phải đợi các nghị định/thông tư hướng dẫn thực hiện do các bộ ngành liên quan ban hành trước khi những luật này được thực hiện;
- Thiếu sự điều phối giữa các cấp khác nhau của Chính phủ. Cần tìm ra giải pháp cho sự chồng chéo hiện nay giữa các văn bản luật, mâu thuẫn giữa một số điều khoản, hoặc sự thiếu nhất quán trong quá trình thực thi các văn bản pháp luật.
- Sự hạn chế trong hiệu quả phổ biến luật pháp và thông tin. Các cán bộ, luật sư và thẩm phán gặp hạn chế trong việc tiếp cận các văn bản pháp luật về trẻ em, cũng như không phải lúc nào cũng có đủ kiến thức về việc áp dụng/thi hành các điều luật này.
- Hạn chế trong nhận thức về pháp luật của các cán bộ công chức nhà nước, các công dân là người lớn, trẻ em. Cần thiết phải có nhiều hơn nữa tập huấn các kỹ năng nhận biết và ứng phó với các vấn đề nhạy cảm khi làm việc với trẻ em cho các cán bộ thi hành pháp luật.

### **Khuyến nghị:**

Chính phủ cần đánh giá lại một cách có hệ thống các trở ngại trong việc thực hiện các điều luật có tác động đến trẻ em. Và:

- Tìm các giải pháp rút ngắn sự chậm trễ trong việc thi hành luật;
- Cải thiện việc điều phối giữa các cấp khác nhau của Chính phủ;
- Tăng cường hiệu quả công tác tuyên truyền và thông tin về pháp luật cho các công chức nhà nước, luật sư và thẩm phán;
- Tăng cường nhận thức về pháp luật của các công chức nhà nước, các công dân là người lớn và trẻ em; và tổ chức nhiều hơn nữa tập huấn các kỹ năng nhận biết và xử lý các vấn đề nhạy cảm khi làm việc với trẻ em cho các cán bộ thi hành pháp luật.

## ii. Sự phối hợp và các kế hoạch hành động quốc gia

*Khuyến nghị cuối cùng số 11*

Sự giải thể Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em Việt Nam (UBDSGDTE) vào tháng 9 năm 2007, cơ quan được Chính phủ giao nhiệm vụ điều phối việc thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em, đã tạo ra thách thức lẫn cơ hội cho các vấn đề liên quan đến trẻ em. Cục Bảo vệ, chăm sóc Trẻ em mới thành lập trực thuộc Bộ LĐTBXH từ đây cần phải nỗ lực nhiều hơn để tiếp tục ưu tiên cho các vấn đề của trẻ em. Mặt khác, các vấn đề của trẻ em có điều kiện được lồng ghép vào các Bộ mà UBDSGDTE sát nhập vào, như Bộ LĐTBXH, Bộ Y tế, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. Điều

rất quan trọng là cần cung cấp các khoá đào tạo nhằm xây dựng năng lực cho các cán bộ nhà nước liên quan ở tất cả các cấp, đặc biệt ở cấp cơ sở<sup>8</sup> và cải thiện công tác điều tra và thu thập số liệu.

**Khuyến nghị:**

- Cục Bảo vệ, Chăm sóc trẻ em trực thuộc Bộ LĐTBXH cần giữ vai trò chỉ đạo trong việc đảm bảo rằng các bộ, ngành liên quan sẽ ưu tiên các vấn đề về trẻ em, và đảm nhận trách nhiệm hướng dẫn điều phối việc thực hiện Công ước quốc tế về quyền trẻ em và các Chương trình hành động Quốc gia vì trẻ em.
- Cung cấp các khoá đào tạo xây dựng năng lực cho các cán bộ nhà nước liên quan ở tất cả các cấp, đặc biệt tại cấp cơ sở.

**iii. Theo dõi và đánh giá độc lập**

*Khuyến nghị cuối cùng số 13*

Khuyến nghị cuối cùng của Ủy ban Quyền trẻ em nói trên (Ủy ban) đề cập đến việc thiết lập một cơ chế độc lập và hiệu quả để theo dõi việc thúc đẩy và bảo vệ quyền trẻ em. Ủy ban đã lưu ý rằng hệ thống theo dõi của UBDSGDTE trước đây không phải là một cơ quan theo dõi độc lập như đã nêu trong Nhận xét chung số 2 của Ủy ban, và khuyến nghị rằng Chính phủ cần xem xét xây dựng dự án thí điểm về thành lập một cơ quan thanh tra cho trẻ em. Mặc dù đã tồn tại hệ thống thanh tra Chính phủ, các Tổ chức phi chính phủ (NGO) coi một cơ chế độc lập sẽ là chìa khoá để trẻ em tiếp cận được với những quy định cho phép các em đòi hỏi quyền của mình. Hiện cơ chế độc lập như vậy vẫn chưa tồn tại ở Việt Nam, nhưng những mô hình được cho là thành công ở các nước khác có thể giúp Việt Nam thiết kế một mô hình phù hợp với đặc trưng văn hóa – xã hội riêng của mình.

**Khuyến nghị:**

Chính phủ cần xây dựng dự án thí điểm thành lập cơ quan thanh tra độc lập về trẻ em trong đó có tính đến tính phù hợp về văn hóa – xã hội của các mô hình này

**iv. Phân bổ nguồn lực**

*Khuyến nghị cuối cùng số 15*

Theo Báo cáo của Chính phủ về việc thực hiện Công ước quốc tế Quyền trẻ em, giai đoạn 2002-2007, tỷ lệ đầu tư vào lĩnh vực xã hội trong khuôn khổ các nguồn quỹ dành cho phát triển đã tăng từ 26.4% năm 2001 lên 27.4% năm 2005<sup>9</sup>. Tuy nhiên, ngân sách nhà nước không thể đáp ứng hết các nhu cầu hiện tại về giáo dục, đào tạo và y tế. Chính phủ muốn khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân, các doanh nghiệp, cộng đồng và thiết lập quan hệ đối tác với các nhà tài trợ để đáp ứng tốt hơn những nhu cầu này.

Các tổ chức NGO nhận thấy<sup>10</sup> rằng nguồn viện trợ phát triển chính thức (ODA) đang dần dần chuyển từ hỗ trợ theo lĩnh vực sang hỗ trợ ngân sách theo mục tiêu quốc gia. Sự dịch chuyển này có thể là một thách thức đối với việc thực thi quyền trẻ em khi tồn tại một nguy cơ là cơ chế viện trợ mới và sự hỗ trợ từ các nguồn khác sẽ không nhất thiết tập trung vào các nhóm dễ bị tổn thương. Khi nhận được nhiều hơn hỗ trợ về ngân sách và quyền quyết định dựa vào sự phân bổ nguồn lực

<sup>8</sup> MOLISA: 2008, 23

<sup>9</sup> MOLISA: 2008, 25

<sup>10</sup> Tuyên bố của các Tổ chức Phi chính phủ quốc tế trong cuộc họp nhóm tham vấn của Ngân hàng Thế giới. Việt Nam, tháng 12 năm 2007

cho các chương trình quốc gia, Chính phủ nên tiếp tục dành trọng tâm cho thực hiện quyền và đáp ứng nhu cầu của những trẻ em dễ bị tổn thương nhất, và phân bổ các nguồn ngân sách để đầu tư và triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia về Bảo vệ trẻ em. Xã hội dân sự có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc theo dõi những nguồn lực đó có phân bổ tới nhóm trẻ em này một cách phù hợp không.

**Khuyến nghị:**

Khi nguồn viện trợ phát triển chính thức chuyển sang hỗ trợ cho ngân sách, hoặc viện trợ từ các nguồn khác được đảm bảo, Chính phủ nên tiếp tục cấp ngân sách để đảm bảo quyền của những trẻ em dễ bị tổn thương nhất được ưu tiên, theo dõi và giám sát; triển khai và phân bổ ngân sách cho việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia về Bảo vệ trẻ em

**v. Hợp tác với xã hội dân sự**

*Khuyến nghị cuối cùng số 19*

Khung pháp lý cho các tổ chức phi chính phủ (NGOs) trong nước và Các tổ chức dựa vào cộng đồng (CBOs) vẫn còn bất cập. Luật về Hội, văn bản pháp luật xác định địa vị pháp lý của các tổ chức này, sau hơn một thập kỷ vẫn còn là dự thảo, khiến cho các tổ chức NGO trong nước và tổ chức xã hội, đặc biệt là các tổ chức dựa vào cộng đồng gặp khó khăn trong việc xin đăng ký pháp nhân do hạn chế về nguồn lực, vì thế, khó có thể mở rộng hoạt động của mình vì lợi ích của trẻ em. Hơn nữa, cần tạo khung pháp lý để tiếp cận và thuận lợi cho các Tổ chức phi chính phủ trong nước, và các Tổ chức dựa vào cộng đồng trong công tác giám sát việc thực hiện Công ước quốc tế về Quyền trẻ em.

Xem thêm thông tin bổ sung tại Phụ lục II

**Khuyến nghị:**

Chính phủ cần tạo ra khung pháp lý hỗ trợ cho các tổ chức xã hội dân sự nói chung, các tổ chức phi chính phủ trong nước và các tổ chức dựa vào cộng đồng nói riêng, ví dụ như thông qua Luật về Hội.

**vi. Thu thập dữ liệu**

*Khuyến nghị cuối cùng số 17*

Chính phủ thừa nhận rằng có khoảng cách trong việc cung cấp số liệu, và hệ thống thu thập số liệu của các bộ, ngành là rất khác nhau. Mặc dù đã có một chương trình về thu thập số liệu tổng thể đầy tham vọng ở Việt Nam, nhu cầu cần phải có số liệu đầy đủ và cần phải có sự phối hợp, điều phối trong hệ thống thu thập số liệu đã được Chính phủ, các tổ chức NGO quốc tế và trong nước, kể cả UNICEF thừa nhận là cấp thiết. Theo báo cáo này, cần phải có đầy đủ số liệu của Chính phủ về những lĩnh vực sau: tình trạng xâm hại trẻ em, trẻ em di cư, trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV và AIDS, trẻ em khuyết tật, quyền được giáo dục của trẻ em, trẻ em làm trái pháp luật, và lao động trẻ em. Cần thiết phải có một định nghĩa rõ ràng hơn về một số khái niệm liên quan đến trẻ em, ví dụ khái niệm trẻ em bị lạm dụng, nhằm giúp có được những dữ liệu chính xác. Các tổ chức NGO quốc tế và trong nước có thể hỗ trợ việc thu thập số liệu đầy đủ hơn thông qua đóng góp các câu hỏi/nội dung điều tra liên quan đến trẻ em khi Tổng cục Thống kê chuẩn bị các cuộc điều tra hộ gia đình. Chính phủ cũng cần phải tìm kiếm các nguồn tài chính mới để thực hiện nghiên cứu số liệu về trẻ em nói trên.

**Khuyến nghị:**

Chính phủ cần hỗ trợ, xem xét, cập nhật và tăng cường thu thập số liệu chính xác liên quan đến tất cả trẻ em, đặc biệt là trẻ em bị lạm dụng, trẻ em di cư, trẻ em bị ảnh hưởng bởi/có HIV/AIDS; trẻ khuyết tật, giáo dục trẻ em, trẻ em làm trái pháp luật và lao động trẻ em.

**vii. Tuyên truyền và phổ biến Công ước quốc tế về Quyền trẻ em**

*Khuyến nghị cuối cùng số 21*

Theo báo cáo của Chính phủ, cán bộ các cấp, phần lớn là các cán bộ thuộc UBDSGDTE trước kia đều đã được tập huấn về Công ước quốc tế về Quyền trẻ em (CRC). Các tổ chức NGO quốc tế và trong nước cũng đã và đang góp phần vào đào tạo/tập huấn về CRC cho các nhóm đối tượng chủ chốt khác nhau trên toàn quốc. Tuy nhiên, tại cấp cơ sở hiện còn thiếu cả về số lượng các cán bộ nhà nước chuyên trách về trẻ em, lẫn số lượng các khoá đào tạo về Công ước quốc tế về Quyền trẻ em cho những đối tượng này. Hiện tại, số lượng cán bộ làm công tác xã hội được đào tạo về Công ước quốc tế về Quyền trẻ em còn rất ít và đang có nhu cầu cần được đào tạo nhiều hơn.

Việc tổ chức đánh giá chất lượng của các khoá tập huấn Công ước quốc tế về Quyền trẻ em sẽ là rất hữu ích. Các tổ chức NGO có thể hỗ trợ thực hiện đánh giá này.

**Khuyến nghị:**

Với tư cách là cơ quan có trách nhiệm thực thi việc tuyên truyền và phổ biến Công ước quốc tế về quyền trẻ em, với sự hỗ trợ của các Tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế, Chính phủ Việt Nam cần nâng cao chất lượng đào tạo Công ước về Quyền trẻ em cho tất cả các cán bộ chuyên trách làm việc với trẻ em tại cấp cơ sở, đồng thời đánh giá tác động lâu dài của công tác đào tạo Công ước quốc tế về Quyền trẻ em.

## II. Khái niệm về trẻ em (Điều 1)

Luật Thanh niên năm 2005 quy định rằng Công ước quốc tế về Quyền trẻ em (CRC) cần được áp dụng với tất cả những đối tượng dưới 18 tuổi. Tuy nhiên các điều luật hoặc nghị định khác và việc thực thi các quy định pháp luật này lại không đồng bộ với quy định trong Luật Thanh Niên nói trên. Ví dụ như sự thiếu hài hoà khi Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định trẻ em là những người dưới 16 tuổi, được pháp luật bảo vệ, trong khi Công ước quốc tế về Quyền trẻ em và luật về Thanh niên quy định trẻ em là những người dưới 18 tuổi.

**Khuyến nghị:**

Chính phủ nên tăng cường phổ biến và thực hiện Luật Thanh niên và sự hài hòa hóa của luật này với các điều luật và nghị định khác, tiến hành sửa đổi Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em để tất cả các trẻ em từ 18 tuổi trở xuống đều được luật này bảo vệ.

### III. Các nguyên tắc chung

#### Không phân biệt đối xử (Điều 2)

Khuyến nghị cuối cùng số 23

*“Trước kia em được cô giáo rất quý. Có lúc cô đã bảo em giúp đỡ các bạn cùng lớp. Khi cô biết em bị HIV dương tính, cô đã không cho phép em chơi cùng với các bạn nữa. Khi em hỏi các bạn tại sao lại không cho em chơi cùng, các bạn đã trả lời rằng cô giáo nói cho các bạn biết là em bị ốm. Khi em muốn xem sách cùng các bạn thì các bạn cũng không đồng ý”*  
(Một trẻ em có HIV ở An Giang)

*“Ở lớp tôi, một số bạn, khi biết bố tôi có HIV, đã chế giễu tôi: bạn là con của một người nghiện, một đứa trẻ bị nhiễm HIV... Tôi về nhà đã rất giận và khóc. Tôi muốn đi chơi với các bạn hàng xóm của tôi nhưng cha mẹ của các bạn ấy đã không cho phép điều đó.”*  
(Một cậu bé 12 tuổi có cha mất vì HIV tại Hà Nội)

Điều 4 Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục Trẻ em công nhận nguyên tắc không phân biệt đối xử. Chính phủ đã có những nỗ lực đáng kể nhằm tạo cơ hội tốt hơn cho những đối tượng trẻ trong nhóm yếu thế, có nguy cơ bị phân biệt đối xử. Ví dụ như trong trường hợp trẻ khuyết tật, những nỗ lực này bao gồm hỗ trợ về công cụ, thiết bị giảng dạy và học tập, thiết kế chương trình học phù hợp với trẻ em khuyết tật và chính sách miễn giảm học phí. Một số chương trình đặc biệt nhằm cải thiện tình hình của trẻ em dân tộc thiểu số và trẻ em nghèo cũng đã được triển khai.

Mặc dù đã có những nỗ lực kể trên, theo Bộ Giáo Dục, chỉ có 24,22% trẻ khuyết tật học đến cấp trung học phổ thông<sup>11</sup>. Cuộc khảo sát đánh giá về Thanh niên Việt Nam (SAVY<sup>12</sup>), khi đề cập về vấn đề giới, chỉ ra rằng 19% nữ thanh niên dân tộc thiểu số chưa từng đến trường và 2/3 tổng số trẻ em bỏ học là nữ. Ngược lại, hiện đã có sự bình đẳng về giới cấp quốc gia ở tỷ lệ đến trường và phổ cập cấp tiểu học giữa trẻ em nam và trẻ em nữ<sup>13</sup>.

Cần phải có những nghiên cứu sâu hơn về tình trạng phân biệt đối xử đối với trẻ em. Báo cáo này và tham vấn với trẻ em trong Báo cáo tham vấn trẻ em cũng phản ánh khoảng cách vẫn còn tồn tại trong thi hành các điều luật liên quan đến chống phân biệt đối xử, đặc biệt đối với trẻ em có HIV/AIDS (Luật Phòng chống HIV/AIDS năm 2006), trẻ em khuyết tật, và trẻ em di cư.

#### Các khuyến nghị

Chính phủ nên đảm bảo:

- Cải thiện việc thực hiện Luật phòng chống HIV/AIDS và tìm ra các giải pháp mang tính thực tiễn cho vấn đề kỳ thị và phân biệt đối xử với trẻ em có/bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS;
- Thực thi nghiêm khắc hơn nữa pháp luật cho phép nhận học sinh có các nhu cầu đặc biệt vào hệ thống trường học công lập chính quy.
- Thực thi pháp luật đảm bảo các công trình xây dựng mới dễ tiếp cận, dễ sử dụng hơn và thân thiện với người khuyết tật; đồng thời mở rộng việc áp dụng điều luật này đối với các công trình và tòa nhà của Chính phủ.

<sup>11</sup> MOLISA: 2008, 92.

<sup>12</sup> Cuộc khảo sát được Bộ Y tế, Tổng cục Thống kê, Tổ chức Y tế Thế giới và UNICEF thực hiện năm 2005 với gần 7.600 người tham gia từ 42 tỉnh thành trên cả nước, bao gồm nam giới, phụ nữ, những đối tượng đã lập gia đình hoặc chưa lập gia đình, cả người Kinh và người dân tộc thiểu số.

'Survey Assessment of Vietnamese Youth', UNICEF, 26 August 2005  
<<http://www.unicef.org/vietnam/PART-II-Chapter-2.pdf>>

<sup>13</sup> MOLISA: 2008, 94.

- Tạo cơ hội cho tất cả trẻ em di cư và trẻ em gái người dân tộc thiểu số được hưởng đầy đủ các quyền về giáo dục.

### **Vì lợi ích tốt nhất của trẻ em (Điều 3)**

*Khuyến nghị cuối cùng số 26*

Nguyên tắc này đã được đưa vào Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em năm 2004. Một lĩnh vực ưu tiên trong thi hành luật pháp của Chính phủ là lĩnh vực trẻ em làm trái pháp luật, cụ thể là khuyến nghị thành lập các Tòa án vị thành niên, Tòa án và trình tự tố tụng thân thiện với trẻ em, tăng cường các biện pháp tư pháp mang tính giáo dục và phục hồi, và đảm bảo có các khoá đào tạo về Công ước quốc tế về Quyền trẻ em cùng các kỹ năng làm việc với trẻ trong những tình huống nhạy cảm cho các cán bộ tư pháp, các Nhóm tư vấn nhân dân và thành viên Hội đồng xét xử.

#### **Khuyến nghị:**

- Chính phủ nên xem xét việc thành lập Tòa án thân thiện với trẻ em, củng cố các thủ tục mang tính thân thiện với trẻ em và tăng cường các biện pháp tư pháp mang tính giáo dục và phục hồi;
- Đảm bảo tổ chức các khoá đào tạo về Công ước quốc tế về Quyền trẻ em và tập huấn các kỹ năng làm việc trong các tình huống nhạy cảm với trẻ cho cán bộ tư pháp, các nhóm tư vấn nhân dân và thành viên các Hội đồng xét xử.

### **Quyền được sống, tồn tại và phát triển (Điều 6 );**

Xin xem thêm phần Sức khoẻ, Các dịch vụ chăm sóc y tế, các hoạt động vui chơi và giải trí.

### **Tôn trọng quan điểm của trẻ em (Các điều 12, 13, 14, 15)**

*Khuyến nghị cuối cùng số 30*

*“Quan hệ của chúng ta với với người lớn giống như thuyền và biển... Chỉ có sự tham gia mới cho phép người lớn hơn hiểu được chúng ta và cho chúng ta hiểu được người lớn. Sự tham gia sẽ giúp chúng ta, trẻ em, và người lớn hiểu nhau hơn vì mỗi chúng ta sinh ra từ các hoàn cảnh khác nhau, khác nhau về giới tính, về tuổi tác.....v.v.”*

*“ Công ước quốc tế Quyền trẻ em Điều 12 có miêu tả về quyền của chúng ta được tham gia... bằng việc chúng ta tham gia hôm nay, chúng ta đang thực hiện quyền tham gia đó của mình. Điều này thật quan trọng không chỉ vì tiếng nói của chúng ta sẽ được lắng nghe mà còn vì nó sẽ giúp chúng ta vượt qua được tất cả những điều mà người lớn đã bỏ lỡ”.*

*(Thành viên Câu lạc bộ trẻ em và trẻ em lang thang từ các tỉnh miền Trung tuổi từ 14-15)*

Mặc dù có rất nhiều điều luật đề tham khảo hoặc đề thúc đẩy sự tham gia của trẻ em như Luật sửa đổi Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em năm 2004, Luật Tố tụng Dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, luật Tố tụng Hình sự và Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính, nhưng các điều luật này vẫn chưa được phổ biến rộng rãi cũng như chưa được vận dụng đầy đủ khi xây dựng các chính sách và chương trình vì trẻ em.

Một thách thức lớn đối với sự tham gia của trẻ em ở Việt Nam là việc xác định các ranh giới giữa quyền tham gia của trẻ em và trách nhiệm tuân thủ theo ý kiến người lớn của các em trong bối cảnh

văn hoá – xã hội của Việt Nam, cũng như đã được quy định trong Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em<sup>14</sup>.

Đã có rất nhiều sáng kiến được cả Quốc hội, Chính phủ và các tổ chức phi chính phủ quốc tế thực hiện nhằm thúc đẩy sự tham gia của trẻ em, như tăng cường đại diện của trẻ em trong những phiên họp của Quốc hội, tham vấn trẻ trong quá trình chuẩn bị cho Báo cáo quốc gia về thực hiện Công ước quốc tế về Quyền trẻ em giai đoạn 2002 – 2007; phát triển và phổ biến thông tin về quyền và các vấn đề của trẻ em, đẩy mạnh các chương trình vì trẻ em và do trẻ em thực hiện trên các phương tiện thông tin đại chúng ở cả cấp quốc gia và địa phương, tiến hành tham vấn và tổ chức hội nghị để thu thập và làm theo ý kiến của trẻ em về các vấn đề liên quan đến trẻ em, đẩy mạnh và củng cố các nhóm trẻ đồng đẳng, nâng cao nhận thức cho người lớn (gồm cả các quan chức Chính phủ) về CRC từ cấp trung ương tới địa phương để qua đó tạo ra một môi trường phù hợp cho việc tham gia của trẻ, giúp các em tham gia vào quá trình nghiên cứu, giám sát và đánh giá các chương trình, mời các em tham gia các buổi trao đổi với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp bao gồm cả cấp cơ sở, tổ chức nhiều sự kiện khác nhau của trẻ em.

Tuy những nỗ lực trên là đáng kể, quyền tham gia của trẻ em vẫn là một khái niệm chưa được hiểu, phát triển và thực thi một cách đầy đủ ở tất cả các cấp, và không được lồng ghép trong hoạt động thường nhật. Cho dù sự tham gia của trẻ em đã được khuyến khích và tăng cường, nó vẫn không được coi là phần quan trọng trong những hỗ trợ của người lớn hay các hoạt động do người lớn khởi xướng. Sự tham gia của trẻ em vẫn bị coi là một hoạt động mang tính sự kiện chứ không phải là một chương trình bền vững hoặc là một phần không thể tách rời của tất cả những việc đã được thực hiện nhằm thúc đẩy quyền trẻ em hoặc các vấn đề của trẻ em. Hơn thế, trẻ em hiện vẫn được coi như một đối tượng đồng nhất, việc phát triển những năng lực và khả năng khác nhau của các em chưa được quan tâm. Đến nay, vẫn có ít các nỗ lực của chính quyền địa phương trong việc tính đến quyền tham gia của trẻ em thuộc nhóm thiệt thòi nhất, trẻ em nghèo, trẻ em khuyết tật trong các quyết định liên quan đến tương lai và việc chăm sóc của chính các em. Điều này cũng đúng với trẻ em từ các nhóm dân tộc thiểu số, đặc biệt là các trẻ em gái<sup>15</sup>, – phải chịu tình trạng bị phân biệt đối xử, theo như thông tin trong Báo cáo tham vấn trẻ em.

Cải thiện được sự tham gia của trẻ em trong môi trường học đường là một trong những vấn đề chủ chốt được đề cập đến trong phần quyền được giáo dục của báo cáo này.

Những thách thức mà Chính phủ và các tổ chức phi chính phủ đang phải đối mặt trong nỗ lực nhằm tăng cường sự tham gia của trẻ em chính là ở chỗ vẫn chưa có được một cách hiểu thống nhất về sự tham gia của trẻ em, chưa có một chiến lược quốc gia nào về sự tham gia của trẻ em, cũng như chưa có bất kỳ cơ chế nào để đánh giá tác động tiềm năng của sự tham gia của trẻ em. Do vậy, trẻ em chỉ được tham gia theo kiểu sự kiện cho những sáng kiến mang tính sự kiện. Hơn nữa, nhân lực được đào tạo để thúc đẩy sự tham gia của trẻ em vẫn còn thiếu, chưa có những nguồn thông tin thường xuyên thân thiện với trẻ em, chưa có ngân sách dành cho các chương trình bền vững lâu dài về sự tham gia của trẻ. Và đáng lưu ý hơn cả là theo suy nghĩ truyền thống, trẻ em vẫn bị xem là phụ thuộc vào người lớn và không có đủ năng lực để đưa ra những quan điểm hữu ích trong quá trình ra quyết định.

---

<sup>14</sup> Báo cáo chưa công bố, chương 6, Quyền được tham gia của trẻ, UNICEF, Việt Nam năm 2008.

<sup>15</sup> Báo cáo chưa công bố, chương 6: Quyền được tham gia của trẻ em, UNICEF Việt Nam năm 2008

### **Khuyến nghị:**

- Có rất nhiều chính sách/chiến lược và sáng kiến của Chính phủ đã được thực thi nhằm khuyến khích sự tham gia của trẻ nhưng chưa có một nỗ lực mang tính bền vững để tìm hiểu quan điểm của trẻ em trước khi đưa ra xây dựng các chính sách/chiến lược đó. Chính phủ cần xây dựng những hệ thống và cơ chế bền vững trong đó các quan điểm của trẻ em được xem xét ở cấp chính sách. Trong số các giải pháp, có thể xem xét việc tăng cường vai trò và đổi mới phương pháp tổ chức sinh hoạt của Đoàn Thanh Niên, Đội thiếu niên Tiên Phong, nhằm huy động và phát huy tốt hơn nữa quyền tham gia của trẻ em.
- Cần có sự điều phối tốt hơn ở các cấp khác nhau của Chính phủ nhằm tổ chức những sáng kiến và sự kiện nơi trẻ em có thể tương tác với người lớn và những nhà chức trách trong việc đưa ra những quyết định, ví dụ như các đợt lập Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm tại cấp thôn/bản và cấp xã;
- Thành lập và tư liệu hoá những hệ thống giám sát và đánh giá thường xuyên về sự tham gia của trẻ em ở các cấp khác nhau, nhằm đảm bảo quá trình tham gia của trẻ không có phân biệt đối xử và chú trọng đến những em trong nhóm yếu thế;
- Chính phủ và Quốc hội cần tiếp tục thúc đẩy đối thoại với trẻ em;
- Xây dựng năng lực cho các cán bộ của Chính phủ, cha mẹ và các đối tượng người lớn khác, tạo điều kiện giúp họ quan tâm tới sự phát triển năng lực và tính đa dạng của trẻ em;
- Chính phủ và các tổ chức cần đảm bảo sự bảo vệ toàn diện và không có phản ứng tiêu cực nào đối với sự tham gia của trẻ;
- Chính phủ và các Tổ chức phi chính phủ cần cung cấp cho trẻ em những thông tin thường xuyên và thân thiện với trẻ em, trang bị cho các em những kỹ năng cần thiết liên quan đến sự tham gia và đảm bảo sự tham gia của trẻ em là có ý nghĩa, cấp ngân sách để các em tham gia thực chất mà không phải sự tham gia mang tính tượng trưng.

## **IV. Quyền công dân và tự do**

### **Tên và quốc tịch (Điều 7)**

*Khuyến nghị cuối cùng số 32*

Đăng ký khai sinh là quyền cơ bản của mọi trẻ em, đảm bảo trẻ em sinh ra có tên gọi, quốc tịch. Đây là quyền được quy định trong Luật Dân sự. Ở Việt Nam, 87,6% trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh<sup>16</sup>. Chính phủ cũng thừa nhận thực tế rằng không phải tất cả trẻ em sống ở các vùng sâu, vùng xa và trẻ em dân tộc thiểu số đều được đăng ký khai sinh.

Mặc dù Nhà nước và các cơ quan địa phương đã tạo ra những chính sách thuận lợi giúp cho việc đăng ký khai sinh cho trẻ em di cư, trẻ vô gia cư và trẻ em người dân tộc thiểu số, tuy vậy, những chính sách này chưa được phổ biến toàn diện và thực hiện một cách triệt để tại các cấp địa phương<sup>17</sup>. Mặt khác, vẫn còn một số lượng trẻ em nhập cư không được hưởng quyền giáo dục của mình do các em không thể được cấp lại giấy khai sinh tại nơi các em đang sống/mới chuyển đến. Vì không thể có giấy đăng ký khai sinh nên các em không được đến trường. Con của những phụ nữ là nạn nhân bị buôn bán sau khi hồi hương không được phép đăng ký khai sinh do mẹ các em gặp khó khăn trong việc đăng ký lại hộ khẩu. Các trẻ em nay không thể tiếp cận cả về giáo dục lẫn chăm sóc y tế.

<sup>16</sup> Tổng cục thống kê, Báo cáo điều tra đánh giá các chỉ số đa ngành tại Việt Nam, (Hà Nội, 2006), 19.

<sup>17</sup> MOLISA: 2008, 44.



Tuy nhiên, tham vấn trẻ em cũng ghi nhận một số trường hợp trẻ em di cư và trẻ em bị buôn bán tại các vùng dự án của các tổ chức phi chính phủ đã được chính quyền địa phương tạo điều kiện để các em được đăng ký giấy khai sinh.

**Khuyến nghị:**

Chính phủ nên tăng cường tuyên truyền phổ biến thông tin pháp luật về đăng ký khai sinh ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số và ban hành thủ tục hành chính đơn giản và dễ tiếp cận để tất cả trẻ em đều có thể được hưởng quyền của mình, bất kể các em đăng ký khai sinh ở đâu.

**Ngược đãi và bạo hành (Các điều 19, 34, 35, 37a và điều 39)**

*Khuyến nghị cuối cùng số 34, 50*

Xin xem phần buôn bán và bắt cóc trẻ em trong báo cáo.

*“Chúng em muốn một cuộc sống không có bạo lực. Tại sao rất nhiều người tin rằng: “roi vọt” sẽ thuần phục chúng em? Hãy mang đến cho chúng em một cuộc sống với tình yêu và sự quan tâm chăm sóc.”*

(Trẻ em từ tham vấn nhóm Tân Trào, tuổi từ 11-16)

*“Ngày xưa trong làng của em, bạo lực gia đình và bạo lực giữa trẻ em với nhau thường xuyên xảy ra và có rất ít khu vực vui chơi giải trí dành cho trẻ em. Gần đây, một số khu vui chơi, giải trí tốt dành cho trẻ em đã được xây dựng trong một môi trường lành mạnh và điều này đã góp phần giảm bớt bạo lực ở trẻ em, trẻ em trong hoàn cảnh khó khăn được làm việc, trẻ em lang thang có thể được học nghề và nhận việc làm vì vậy các em không còn phải lang thang nữa. Bằng cách này, các em đã tránh xa được bạo lực.”*

(Một thành viên của câu lạc bộ trẻ em ở tỉnh miền Trung, 15 tuổi)

Mặc dù Việt Nam đã có một số điều luật và chính sách nghiêm cấm bạo hành và ngược đãi trẻ em (như Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em, Nghị định 114 năm 2006, quy định về xử phạt hành chính đối với những người đánh đập, làm tổn thương trẻ em hoặc những đối tượng có hành vi xúc phạm và gây tổn hại về tinh thần và thân thể của trẻ em. Mặc dù Luật Phòng chống bạo lực gia đình được thông qua năm 2007, trong đó có đề cập đến hành vi cấm trừng phạt thân thể (TPTT) đối với trẻ em, tuy nhiên cho đến nay vẫn chưa có điều luật nào nghiêm cấm cụ thể hành vi trừng phạt thân thể trẻ em tại gia đình, nhà trường, và các cơ quan. Thậm chí còn không có thuật ngữ Tiếng Việt nhất quán cho việc trừng phạt thân thể trẻ em. Xin xem phần phụ lục II thông tin bổ sung về luật.

Thủ phạm xâm hại trẻ em vẫn chưa được xử lý hình sự theo Luật hình sự của Việt Nam. Hầu hết các trường hợp bạo hành trẻ em chỉ bị xử phạt hành chính, hoặc giải quyết trong cộng đồng/thôn xóm/gia đình như một vấn đề nội bộ, hoặc cách giải quyết theo kiểu “kết thúc có hậu”. Điều này làm cho mọi người tin rằng trừng phạt thân thể trẻ em là vấn đề cách giáo dục của gia đình chứ không phải là tội phạm hình sự. Theo Báo cáo nghiên cứu của UBDSGDTE năm 2005, đa số người được phỏng vấn không biết rằng bạo lực với trẻ em là vi phạm pháp luật Việt Nam, cho dù thực tế là trừng phạt và đánh đập nghiêm trọng, và việc sỉ nhục trẻ là vi phạm Luật Hình sự, do vậy, là tội phạm hình sự. Việc phổ biến các điều luật tới các cơ quan và công chúng cần phải được chú trọng một cách đáng kể, như được đưa ra trong Báo cáo tham vấn trẻ em.

Theo nghiên cứu về bạo hành với trẻ em năm 2005-2006, trên 60% trẻ em cho biết các em vẫn bị bạo hành bao gồm cả trừng phạt thân thể trong trường học, ở nhà và những nơi khác. Chính phủ đã

tham gia nghiên cứu của Liên Hiệp Quốc về bạo lực trẻ em và các hội thảo tham vấn khu vực có liên quan, tuy nhiên cho đến nay vẫn chưa công bố nghiên cứu hay chỉ định cơ quan nào chịu trách nhiệm thực hiện các khuyến nghị đã được đưa ra. Do đó, nhận thức về nghiên cứu này và các đề xuất trong nghiên cứu đối với các bộ nhà nước và quần chúng vẫn còn nhiều hạn chế.

Việt Nam cũng đã phát động một số chiến dịch để chấm dứt tình trạng bạo lực với trẻ em do cơ quan trước kia là UBDSGDTE tiến hành với sự hỗ trợ của các cơ quan của Liên Hợp Quốc (LHQ) và các Tổ chức phi chính phủ quốc tế, song hầu hết các cán bộ nhà nước vẫn không biết làm thế nào để báo cáo và khiếu nại cơ quan nào về các hành vi lạm dụng và bạo lực với trẻ em. Các cán bộ cơ quan nhà nước cũng không biết hành động thế nào khi phát hiện ra những trường hợp trẻ bị xâm hại, ngoài việc đưa ra tư vấn cho nạn nhân hoặc báo cho cảnh sát đối với những trường hợp nghiêm trọng. Bên cạnh đó, chỉ có rất ít bậc cha mẹ và thầy cô giáo có kiến thức, kỹ năng, phương pháp dạy trẻ đúng cách, áp dụng kỷ luật tích cực. Cần có các hoạt động đào tạo và các tài liệu hướng dẫn có chất lượng cho các cán bộ, cơ quan, ban, ngành của Chính phủ, giáo viên và các bậc phụ huynh trên toàn quốc về bảo vệ trẻ em, chống bạo lực ở trẻ em, cơ chế hỗ trợ và khung pháp lý. Đây cũng là một thông điệp chính được đưa ra từ các cuộc tham vấn với trẻ em được thực hiện cho báo cáo này. Trẻ em cho biết các em phản đối việc trừng phạt thân thể, các em cảm thấy tồi tệ khi bị đánh đập và nhận thấy có nhiều cách có ảnh hưởng tích cực đến các bậc cha mẹ, các thầy cô, người lớn, như thông qua việc tổ chức hội thảo tư vấn. Các em đề nghị những hoạt động này nên được tổ chức rộng rãi phổ biến hơn nữa.

**Xâm hại và bóc lột tình dục trẻ em** là những vấn đề khó giải quyết. Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em năm 2004 và Luật Hôn nhân và Gia đình, cũng như một số luật hình sự khác đều bảo vệ trẻ em. Phổ biến những điều luật này sẽ có ảnh hưởng đến nhận thức của người dân vì họ biết rằng họ có thể bị xử phạt nếu họ xâm hại tình dục trẻ em. Tuy nhiên, định nghĩa pháp lý về xâm hại tình dục trong luật hình sự và luật hành chính cần được làm rõ ràng hơn, khi hiện tại các luật này chưa đề cập một cách đầy đủ đến tất cả các khía cạnh về xâm hại; các tiêu chí phân biệt các loại tội phạm hình sự chưa được cụ thể.

Hơn nữa các chiến lược và chính sách của Chính phủ chỉ tập trung vào bóc lột tình dục ở góc độ thương mại trong khi đó xâm hại tình dục trong gia đình ít được chú trọng. Ví dụ, Việt Nam có chương trình chống xâm hại tình dục tập trung vào vấn đề buôn bán trẻ em và gái mại dâm, nhưng lại không có hệ thống phù hợp để điều phối, giải quyết các trường hợp xâm hại tình dục, cũng như cơ chế hợp lý để thu thập dữ liệu về thủ phạm gây ra bạo lực và xâm hại trẻ em. Có rất ít nghiên cứu về xâm hại tình dục trẻ em tại Việt Nam, do đây bị coi là một vấn đề khó và nhạy cảm. Kết quả là thiếu dữ liệu về xâm hại tình dục trẻ em, một nền tảng phục vụ cho công tác báo cáo cũng như thiết kế dự án phòng chống xâm hại trẻ em. Đa số những số liệu có được về xâm hại tình dục và bạo lực được lực lượng công an thu thập và chỉ tập trung vào hầu hết các trường hợp được coi là nghiêm trọng, trong khi nhiều trường hợp xâm hại tình dục không được báo cáo, đặc biệt khi thủ phạm là thành viên trong gia đình.

Nói chung, sự hiểu biết chung về những ảnh hưởng nghiêm trọng của việc xâm hại tình dục trẻ em, và làm thế nào để ngăn chặn, báo cáo và giải quyết vấn đề này còn đang ở mức độ hạn chế.

**Vấn đề ấn phẩm khiêu dâm trẻ em** không được nhà nước ưu tiên xử lý, mặc dù đã có quy định chung về phòng chống ấn phẩm khiêu dâm trẻ em. Các ấn phẩm khiêu dâm trẻ em không bị coi là hành vi vi phạm pháp luật riêng biệt. Cho đến nay Chính phủ quan niệm trẻ em như những khách hàng tiêu thụ các sản phẩm tranh ảnh khiêu dâm tiềm năng hơn là đối tượng bị lạm dụng cho việc sản xuất các ấn phẩm khiêu dâm trên. Xu hướng sử dụng Internet ở Việt Nam ngày càng tăng cũng

đồng nghĩa với việc tạo các cơ hội cho những người muốn lợi dụng trẻ em ở khía cạnh khiêu dâm. Đã có quy định giới hạn về việc trẻ em sử dụng dịch vụ Internet công cộng như thế nào nhưng cơ chế điều hành chưa được rõ ràng.

Dường như **mại dâm trẻ em** đang gia tăng tại Việt Nam mặc dù thiếu dữ liệu xác thực. Theo nghiên cứu của một tổ chức phi chính phủ Việt Nam, 80% gái mại dâm là dưới 18 tuổi<sup>18</sup>. Chính phủ Việt Nam đã nỗ lực rất lớn trong việc tạo ra một khung pháp lý để chống nạn mại dâm trẻ em. Trong điều kiện khung pháp lý đã sẵn sàng, đây là thời điểm cho Chính phủ tăng cường thi hành luật và thu thập dữ liệu cũng như cung cấp thêm thông tin tới các gia đình có nguy cơ, đặc biệt ở những vùng sâu vùng xa của đất nước.

Việt Nam đã có một số văn phòng tư vấn về xâm hại trẻ em như Trung tâm tư vấn của UBDSGDTE, đường dây trợ giúp trẻ em do một tổ chức phi chính phủ quốc tế hỗ trợ và một số các trung tâm khác. Tuy nhiên, người nghèo và những người ở vùng sâu vùng xa vẫn chưa biết đến và tiếp cận được với các trung tâm này vì các trung tâm này được đặt ở Hà Nội, TP Hồ Chí Minh hoặc các tỉnh thành lớn khác.

#### **Khuyến nghị:**

- Cần phát triển và triển khai một kế hoạch hành động quốc gia nhằm chấm dứt tất cả các hình thức bạo lực với trẻ em càng nhanh càng tốt;
- Cần thiết lập hệ thống bảo vệ trẻ em thân thiện với trẻ tại cộng đồng để tiếp nhận khiếu nại và điều trị cho nạn nhân bị xâm hại, bao gồm cả chính sách hỗ trợ trẻ em là những nạn nhân của bạo lực gia đình;
- Cần có hệ thống thu thập số liệu dễ tiếp cận và hiệu quả về xâm hại trẻ em, bao gồm nghiên cứu cấp quốc gia về xâm hại tình dục và trừng phạt thân thể trẻ em;
- Cần có luật cụ thể nghiêm cấm mọi hình thức bạo lực với trẻ em bao gồm cả trừng phạt thân thể tại gia đình, trong trường học và các nơi khác;
- Cần tăng cường xây dựng năng lực và những kỹ thuật kỹ luật tích cực cho cán bộ làm công tác xã hội, cán bộ chính quyền trong các cơ quan của Chính phủ làm việc trong lĩnh vực chống bạo lực trẻ em và cho các giáo viên (bắt buộc), tập huấn rộng rãi về chủ đề làm cha mẹ cho các bậc cha mẹ.

## **V. Môi trường gia đình và Chăm sóc thay thế**

### **Nhận con nuôi (Điều 21)**

*Khuyến nghị cuối cùng số 38*

Về khuyến nghị cuối cùng của Ủy ban Quyền trẻ em cho Báo cáo định kỳ lần hai của Việt Nam, cần lưu ý rằng hệ thống chăm sóc, bảo vệ và phúc lợi cho trẻ em hiện nay vẫn cho phép một số lượng lớn trẻ em làm con nuôi có yếu tố nước ngoài (năm 2006 là khoảng 1.500 em, năm 2007 khoảng 2.000 em). Như vậy trên thực tế, việc cho phép nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài vẫn nhận được sự ưu tiên hơn so với khuyến khích chăm sóc bảo trợ và nhận con nuôi trong nước. Bên cạnh đó, Việt Nam vẫn chưa phê chuẩn Công ước Hague năm 1993 về Hợp tác và Bảo vệ trẻ em liên quan đến việc nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài (Số 33) và vẫn chưa ban hành bất kỳ điều luật nào về việc nhận con nuôi trong nước.

<sup>18</sup> Buôn bán trẻ em, Trẻ mại dâm và Tranh ảnh khiêu dâm trẻ em: một báo cáo bổ sung của các tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam trong Báo cáo chính phủ về OPSC (Hà Nội, tháng 11 năm 2005), 11.

Các vấn đề cần quan tâm bao gồm:

- Số lượng lớn các tổ chức con nuôi (hiện có khoảng 68 công ty) có giấy phép hoạt động ở Việt Nam: Số đơn xin nhận con nuôi cao hơn nhiều so với số trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi, điều này tạo ra ‘cầu’ về xin con nuôi và sự cạnh tranh giữa các tổ chức con nuôi mà bản thân trẻ em không được hưởng lợi gì.
- Một số trẻ được nhận làm con nuôi khi còn rất nhỏ: Mặc dù chúng ta đều thừa nhận rằng trẻ càng sớm được sống trong môi trường gia đình thì càng tốt cho trẻ nhưng trên thực tế một số trẻ sơ sinh được nhận làm con nuôi khi mới chỉ có vài tháng tuổi. Điều này làm tăng thêm sự hoài nghi rằng liệu sẽ là tốt hơn khi giúp những trẻ em đó đoàn tụ với bố mẹ đẻ của mình hay là thúc đẩy việc cho làm con nuôi hoặc tìm bố mẹ nuôi là người Việt Nam cho các em. Có thông tin là các cơ sở cho nhận con nuôi hoặc các cơ sở bảo trợ đang cố gắng đáp ứng nhu cầu xin nhận trẻ sơ sinh làm con nuôi của những người nước ngoài đi xin con nuôi.
- Một khoản tài chính lớn do các tổ chức cho nhận con nuôi đóng góp cho các cơ sở nuôi dưỡng trẻ em là đối tượng cho, nhận con nuôi liên quốc gia (ICA) để hỗ trợ cho quá trình cho nhận con nuôi.
- Mối quan hệ giữa các hoạt động cho nhận con nuôi và các dự án nhân đạo: Thực tế là các tổ chức cho, nhận con nuôi được yêu cầu hỗ trợ tài chính cho những cơ sở nuôi dưỡng trẻ em mà họ hợp tác trong lĩnh vực nhận con nuôi liên quốc gia. Điều này có thể là động lực khiến các cơ sở nuôi dưỡng trẻ em tích cực hơn trong việc tìm kiếm trẻ em cho mục đích nhận con nuôi liên quốc gia. Hơn nữa, quá trình triển khai của các dự án nhân đạo vẫn chưa được giám sát đầy đủ.
- Bố mẹ đẻ và người giám hộ không nhận thức được rõ ràng và đầy đủ về những hậu quả pháp lý khi họ đồng ý cho trẻ làm con nuôi vì những người chịu trách nhiệm kiểm định năng lực nhận trẻ làm con nuôi không có trình độ và không được đào tạo đầy đủ.
- Một số các công ty trung gian, bằng cách trả tiền hoặc bồi thường cho bố mẹ và nhân viên bệnh viện nơi trẻ bị bỏ rơi để có được sự chấp nhận của họ.
- Tính hợp pháp/chính xác của một số giấy đăng ký khai sinh và các báo cáo về tình trạng bỏ rơi trẻ em.
- Trách nhiệm cá nhân của những người làm báo cáo nghiên cứu về trẻ em với các nội dung của báo cáo, trong đó nói đến khả năng được nhận con nuôi, với tình trạng giả mạo các hồ sơ

Năm 2003, theo Quyết định số 337/2003/QB-BTP, Bộ Tư pháp thành lập Cục Con nuôi Quốc tế (DIA) có nhiệm vụ giúp đỡ Bộ này quản lý thống nhất vấn đề nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài và giải quyết các trường hợp xin nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài. Năm 2006, Nghị định số 69/2006/ND-CP được ban hành nhằm kiểm soát tốt hơn các thủ tục xin nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài. Việc thành lập DIA và Nghị định số 69 có thể được xem như một bước tiến tốt đẹp liên quan đến những nỗ lực của Chính phủ nhằm tôn trọng triệt để các tiêu chuẩn quốc tế, bao gồm thực hiện những qui định tiếp theo, như: tất cả các cơ sở nuôi dưỡng đều phải nộp cho DIA, cơ quan có trách nhiệm xác nhận sự phù hợp giữa cha mẹ nuôi và đối tượng làm con nuôi, danh sách trẻ có thể được nhận làm con nuôi; cấm các trường hợp nhận con nuôi giữa các cá nhân; và quy định về số tiền trợ giúp cố định cho việc hoàn thành thủ tục nhận con nuôi của các cơ sở nuôi dưỡng hiện đang soạn thảo.

Tuy nhiên, có thể nhận thấy rằng quyền hạn của DIA với tư cách là cơ quan trung ương với các cơ sở nuôi dưỡng và cơ quan cấp tỉnh vẫn còn bị hạn chế. Quyền lực chính trong việc xác nhận sự phù hợp giữa trẻ em được nhận làm con nuôi và đối tượng làm đơn nhận con nuôi vẫn nằm trong tay các

Sở Tư pháp và giám đốc của các cơ sở nuôi dưỡng trẻ em. Hơn nữa DIA chỉ quan tâm chính đến các khía cạnh về tư pháp trong các trường hợp cụ thể mà ít chú trọng tới các khía cạnh xã hội trong việc cho nhận con nuôi. Các cán bộ chịu trách nhiệm về tất cả các công việc liên quan đến nhận con nuôi tại các cơ sở nuôi dưỡng cũng như ở DIA đều dựa trên kinh nghiệm làm việc của họ hơn là dựa trên các nghiên cứu chuyên sâu. Pháp luật cần quy định rằng nhân sự làm trong lĩnh vực này cần đa dạng, bao gồm các cán bộ làm công tác xã hội chuyên nghiệp, các nhà tâm lý học, các luật sư và bác sĩ với những năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phúc lợi trẻ em. Những cán bộ này cũng cần phải có các phẩm chất kỹ luật và kỹ năng nghề nghiệp đa dạng.

Cần phải có nhiều yêu cầu cao hơn đối với các tổ chức chuyên nhận con nuôi để được cấp phép hoạt động tại Việt Nam, cũng như cần có những tiêu chuẩn quy định nhất định cho nhân viên của các tổ chức này. Các tổ chức này phải hoạt động phi lợi nhuận và là các tổ chức chuyên về phúc lợi trẻ em, không chỉ đảm đương công việc trợ giúp mà còn cần phải phát hiện các nhu cầu của từng trẻ và giúp các em chuẩn bị cho một cuộc sống mới với gia đình bố mẹ nuôi. Các tổ chức đã được cấp giấy phép cần phải tuân thủ nghiêm ngặt các chuẩn mực đạo đức nhằm bảo vệ lợi ích của trẻ em chứ không phải lợi ích của cán bộ giải quyết các trường hợp nhận con nuôi.

#### **Khuyến nghị:**

- Chính phủ Việt Nam cần hoàn thiện càng nhanh càng tốt thủ tục để tham gia công ước Hague năm 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong việc cho và nhận con nuôi liên quốc gia;
- Cần ban hành Luật về nhận con nuôi trong nước bao gồm hướng dẫn thành lập cơ quan trung ương về nhận con nuôi trong nước nhằm thiết lập các cơ chế giám sát hiệu quả hơn đối với các trường hợp nhận con nuôi trong nước, trong đó cán bộ làm công tác xã hội được tập huấn và có thể tiến hành các cuộc nghiên cứu tại gia đình và theo dõi thường xuyên;
- Các lựa chọn chăm sóc thay thế đối với trẻ bị bỏ rơi hoặc trẻ mồ côi trên toàn quốc, như chăm nuôi, cho nhận làm con nuôi trong nước, cần được ưu tiên;
- Để ngăn chặn và giảm thiểu các trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, những gia đình có nguy cơ sẽ bỏ rơi hoặc từ bỏ con cần phải được giúp đỡ về tài chính nhiều hơn nữa, và đi kèm đó là những dịch vụ xã hội giúp họ có thể chung sống cùng nhau;
- DIA nên là cơ quan đảm nhận toàn bộ trách nhiệm thực hiện quá trình nhận con nuôi, và nhờ đó trẻ sẽ được hưởng lợi từ các quy trình nhanh hơn, dễ dàng hơn và ít có tiêu cực hơn;
- Việc tìm bố mẹ nuôi phù hợp cho trẻ cần phải giao cho một nhóm gồm các chuyên gia về bảo vệ trẻ em được đào tạo về các chính sách nhận con nuôi và có kinh nghiệm thực tế;
- Cần phải có nhiều yêu cầu nghiêm ngặt hơn về chuyên môn đối với các tổ chức chuyên nhận con nuôi để có thể được cấp phép hoạt động tại Việt Nam.

#### **Chuyển giao bất hợp pháp và không hoàn trả (Điều 11)**

Xem phần Các biện pháp bảo vệ đặc biệt, Buôn bán và bắt cóc trẻ em

Xem phần Ngược đãi và Bạo hành với trẻ em

## VI. Chăm sóc y tế cơ bản và phúc lợi

### Trẻ khuyết tật (Điều 23)

Xin xem phần Giáo dục hoà nhập và Trẻ khuyết tật trong báo cáo này.

### Y tế và các dịch vụ y tế (Điều 24)

*Khuyến nghị cuối cùng số 40*

Kể từ năm 2002, Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận trong lĩnh vực chăm sóc sức khoẻ cho trẻ em. Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em năm 2004 quy định trẻ em dưới 6 tuổi được hưởng chăm sóc sức khoẻ miễn phí tại các cơ sở y tế công. Dịch vụ chăm sóc sức khoẻ có mặt tại nhiều nơi nhưng cơ hội tiếp cận các dịch vụ này vẫn còn khó khăn đối với người dân tộc thiểu số tại các vùng sâu, xa, đối với các gia đình tại các vùng nông thôn, và đối với các nhóm trẻ di cư. Những chi phí phụ cho chăm sóc sức khoẻ, phí đi lại tại địa bàn xa, sự thiếu nhận thức, các phong tục, tập quán lạc hậu đang phổ biến trong những gia đình tại các vùng sâu, vùng xa đã tạo ra những trở ngại đối với việc tiếp cận đến quyền được chăm sóc sức khoẻ của các trẻ em yếu thế.

Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi đã giảm từ 30.1% năm 2002 xuống 21.2% năm 2007<sup>19</sup>. Tuy nhiên, tỷ lệ suy dinh dưỡng trung bình của trẻ em dưới 5 tuổi ở Tây Nguyên và vùng núi phía Bắc vẫn còn ở mức cao khoảng 30%<sup>20</sup> và sự chênh lệch là rõ ràng giữa các vùng đô thị với các vùng nông thôn nghèo, vùng sâu và vùng xa. Giữa các năm 2000 và 2005, tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh giảm nhanh từ 36,77 trên 1.000 trẻ xuống còn 17,8. Cũng trong thời gian này, tỷ lệ tử vong của trẻ dưới 5 tuổi giảm từ 42 xuống còn 27.5 trên 1.000<sup>21</sup>. Tuy nhiên, vẫn tồn tại sự chênh lệch đáng kể giữa tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh tại các vùng đô thị (14 %) và các vùng nông thôn hoặc dân tộc thiểu số (24 %)<sup>22</sup>.

### Khuyến nghị

- Chính phủ cần tìm biện pháp để giảm bớt các trở ngại trong việc tiếp cận các quyền được hưởng dịch vụ y tế và chăm sóc sức khoẻ đối với trẻ em là người dân tộc thiểu số, trẻ em sống tại các vùng nông thôn và trẻ em di cư.
- Chính phủ cần có những can thiệp một cách có hệ thống và trên quy mô lớn để cải thiện tình trạng dinh dưỡng của trẻ em, đảm bảo mọi trẻ em đều được hưởng quyền sống còn và quyền phát triển.

### HIV/AIDS (Điều 2, 24, 25)

*Khuyến nghị cuối cùng số 46*

*“Do nhà nghèo, nên em phải làm việc và khi về nhà em cũng phải nấu cơm và rửa bát. Các bạn khác của em chẳng phải làm gì... Em chưa bao giờ đi học nên em không biết viết. Tương lai của em chắc chắn sẽ vất vả hơn nhiều so với các bạn khác.”*

(Một em trai 16 tuổi có bố chết vì nhiễm AIDS - Tỉnh Quảng Ninh)

<sup>19</sup> MOLISA: 2008, 73

<sup>20</sup> Viện Dinh dưỡng Quốc gia, 2007.

<sup>21</sup> Báo cáo phát triển Việt Nam năm 2008, trang 79; Dữ liệu từ Ngân hàng Thế giới năm 2007.

<sup>22</sup> GSO 5.

*“Kể từ khi bị nhiễm, em luôn cảm thấy sợ, bởi vì hiện tại không có loại thuốc hữu hiệu cho bệnh này. Thế cũng có nghĩa là em sẽ chết sớm. Em ước gì có thuốc có thể chữa và cứu sống em.”*

(Một em trai 17 tuổi đang sống với HIV tại Hà Nội)

Số liệu về các ca có HIV/AIDS hiện tại phụ thuộc rất lớn vào các nguồn cung cấp. Bộ Y tế (MOH) thông báo số người có HIV cho tới 30 tháng 4 năm 2007 là 124.223, trong đó 23.611 người đã chuyển sang giai đoạn AIDS và 13.469 người đã chết vì AIDS<sup>23</sup>. Bộ Y tế cũng dự đoán có từ 20.000 đến 30.000 ca mới mỗi năm. Theo một báo cáo của Bộ Y tế công bố vào cuối năm 2005, trong thời gian từ 2001-2005, số trẻ em dưới 13 tuổi có HIV chiếm 1% tổng số các trường hợp có HIV, ước tính khoảng 1.200 em trong khi số trẻ em trong độ tuổi từ 13 -19 có HIV chiếm 9% tổng số trường hợp có HIV, ước tính khoảng 9.500 trẻ em<sup>24</sup>. Các báo cáo cấp tỉnh cũng chỉ ra rằng có khoảng 6.916 trẻ em dưới 19 tuổi có HIV trong thời gian 2005 - 2006, trong đó 695 trẻ em có độ tuổi dưới 5. Theo báo cáo của Bộ LĐTB&XH (tháng 7 năm 2006), số trẻ em dưới 19 tuổi nhiễm HIV ước tính là 23.400 trẻ, số trẻ em sống trong các gia đình bị ảnh hưởng bởi HIV là 283.667 trẻ (tháng 7 năm 2006)<sup>25</sup>.

Mặc dù dịch vụ cung cấp xét nghiệm cơ bản về HIV và ARV có ở hầu hết các tỉnh, nhưng có rất ít phụ nữ và trẻ em nhận được các dịch vụ này. Số liệu và các nghiên cứu của Bộ Y tế cho thấy chỉ có 14%<sup>26</sup> phụ nữ có thai khi đi khám thai tại các cơ sở y tế được xét nghiệm HIV trong hai năm vừa qua và chỉ có 14% số bà mẹ mang thai có HIV điều trị ARV theo khuyến cáo. Do đó, ước tính chỉ có khoảng 12-31%<sup>27</sup> số phụ nữ mang thai có HIV được điều trị ARV do nhận thức kém về dịch vụ PLTMC (Phòng chống lây truyền từ mẹ sang con), sợ làm các xét nghiệm HIV và thiếu sự quan tâm của gia đình và bạn tình. Hiện còn thiếu các số liệu về tình trạng dinh dưỡng của trẻ em sống với HIV tại gia đình và các cơ sở từ thiện.

Theo Chiến lược quốc gia về phòng chống HIV/AIDS năm 2004 và Luật về phòng chống HIV/AIDS, từ tháng 1 năm 2007, mọi trẻ em có HIV được ưu tiên điều trị ARV. Tuy nhiên, đến tháng Tư năm 2007, theo Ủy ban quốc gia về phòng chống AIDS (VAAC) chỉ có 5%<sup>28</sup> số trẻ em có HIV nhận được điều trị này. Quyết định số 65/2005-QĐ/TTg chỉ ra rằng trẻ em mồ côi có HIV sẽ được nhận phụ cấp hàng tháng, tuy nhiên chỉ có một số ít các em nhận được khoản phụ cấp này do thiếu các hồ sơ đăng ký giấy khai sinh, là các trẻ em mồ côi khi di cư, hoặc vì chính quyền địa phương và các thành viên trong gia đình không có các thông tin chính xác về chế độ chính sách. Hiện trạng này xảy ra do thiếu sự điều phối giữa các cơ quan Chính phủ tại cấp trung ương, tỉnh và cấp huyện.

HIV/AIDS đang ảnh hưởng nặng nề đến việc thực hiện các quyền của trẻ em và đe dọa đến cấu trúc gia đình. Trẻ em trở thành mồ côi cha hoặc mẹ hoặc mồ côi cả cha lẫn mẹ do HIV/AIDS. Ngay cả khi cha (hoặc) mẹ vẫn còn sống, trẻ em vẫn thường đối mặt với tình trạng thiếu chăm sóc đầy đủ, do cha mẹ thường xuyên ốm yếu để có thể chăm sóc con cái, hoặc họ còn chú ý tới các vấn đề khác như dùng ma túy, khiến khả năng tài chính của họ bị giảm sút, dẫn đến họ khó có thể làm tròn trách

<sup>23</sup> N/a, “HIV /AIDS là nguyên nhân gây tử vong thứ ba”, Vietnamnet, ngày 8 tháng Bảy năm 2007  
<[http://www.unaids.org.vn/event/pressclipping/2007/jul09\\_jul15\\_07\\_e.pdf](http://www.unaids.org.vn/event/pressclipping/2007/jul09_jul15_07_e.pdf)>

<sup>24</sup> MOLISA: 2008, 83.

<sup>25</sup> MOLISA, Kế hoạch Hành động Quốc gia vì Trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV và AIDS đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 (Hà Nội, 2009) 3

<sup>26</sup> MOLISA: 2009, 6.

<sup>27</sup> Tổ chức Y tế Thế giới, “Towards Universal Access: Scaling Up Priority HIV/AIDS Interventions in the Health Sector”, ngày 2 tháng 6 năm 2008.

<<http://www.who.int/hiv/pub/2008progressreport/en/index.html>> Phụ lục 3.

<sup>28</sup> WHO, ngày 2 tháng 6 năm 2008, Phụ lục 2.

nhiệm cha mẹ của mình. Có nhiều trẻ em phải chịu đựng cảnh thiếu sự chăm sóc, thiếu hỗ trợ về tâm lý – xã hội và các quyền chống phân biệt đối xử, quyền được chăm sóc, quyền hưởng các chăm sóc y tế, quyền về dinh dưỡng và quyền được giáo dục của các em chưa được thực hiện.

Những người có HIV/AIDS thường có xu hướng bị kỳ thị và phân biệt đối xử tại cộng đồng, trường học và thậm chí từ chính bản thân họ. Mặc dù không có số liệu cụ thể, nhưng kinh nghiệm từ những chương trình cho thấy có nhiều trẻ em có/bị ảnh hưởng bởi AIDS, đặc biệt tại cấp mẫu giáo và trẻ em tại các cơ sở từ thiện không được nhận vào học mẫu giáo hoặc vào các trường mặc dù đã có các quy định của Luật Phòng chống HIV/AIDS năm 2006. Hiệu trưởng của các trường này nói rằng họ phải làm như vậy vì áp lực từ phía các phụ huynh khác. Trẻ em có HIV/AIDS hiện đang theo học thường có xu hướng bỏ học sớm vì lý do như các em không có bạn bè để chơi cùng hoặc người bảo trợ của các em không thể đóng học phí<sup>29</sup>. Những trẻ em được tham vấn trong báo cáo này tiết lộ rằng các em cảm thấy bị bắt nạt, bị hàng xóm láng tránh, bị thầy cô giáo và các phụ huynh khác kỳ thị. Những thái độ này đã khiến các em bỏ học.

Chính phủ đã ban hành nhiều đạo luật và chính sách mới liên quan đến HIV/AIDS, tuy nhiên, việc thực hiện và giám sát cần được cải thiện. Luật về Phòng, chống HIV/AIDS năm 2006, bảo vệ khỏi các hình thức phân biệt đối xử cần được thực hiện. Các giải pháp và định hướng của Chính phủ về chống kỳ thị và phân biệt đối xử cần đưa ra thêm hướng dẫn, đặc biệt ở khía cạnh giải quyết các vấn đề trên như thế nào.

Xin xem thêm Phụ lục II để có thêm thông tin về luật, các chính sách và các con số thống kê.

Nói đến các sản phẩm thông tin, giáo dục và truyền thông (IEC) có chất lượng và các hoạt động liên quan đến HIV/AIDS, trẻ em tham gia các cuộc tham vấn cho biết, thông qua các hoạt động truyền thông (IEC), các em có HIV đã có các hiểu biết tốt về đường lây truyền và cách phòng chống HIV. Mặc dù vậy, các thông điệp truyền thông có chất lượng vẫn cần phải có sự tham gia, có sự tương tác tại tất cả các trường học, các phường xã, từ đó các trẻ em chưa bị ảnh hưởng của HIV sẽ có cách hiểu đúng đắn và thực tế về phòng chống HIV (bao gồm cả việc sử dụng bao cao su). Bộ Giáo dục và Đào tạo phải cải thiện chất lượng của các tài liệu truyền thông thay đổi hành vi để các tài liệu này có thể đến được tay của tất cả trẻ em tại các trường học và giúp cho những thông tin này thực tế, chân thực và thân thiện với trẻ em.

### **Khuyến nghị**

- Cần khẩn trương thực hiện Chương trình hành động quốc gia về trẻ em và HIV/AIDS;
- Đảm bảo tuyên truyền rõ ràng tới các cấp thấp hơn và giám sát việc thực hiện Chiến lược hành động quốc gia về phòng chống HIV/AIDS và Luật phòng chống HIV/AIDS;
- Cần cải thiện việc thu thập số liệu về trẻ em có HIV/AIDS;
- Tặng số trẻ được điều trị ARV và đảm bảo những trẻ em này được theo dõi và hỗ trợ tài chính để các em được tiếp tục điều trị;
- Công tác tuyên truyền, thông tin và giáo dục về HIV/AIDS trong trường học và cộng đồng cần thực tế, chân thực và thân thiện hơn với trẻ em;
- Cần xây dựng hệ thống chăm sóc và hỗ trợ tại cộng đồng cho trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS để đảm bảo các em nhận được các chăm sóc cơ bản và tiết kiệm chi phí;
- Xây dựng và thực hiện một chiến lược vận động giảm kỳ thị và phân biệt đối xử trong trường học và cộng đồng.

<sup>29</sup> Đại học Boston, Trung tâm Y tế và Phát triển toàn cầu, Trẻ em và HIV/AIDS tại Việt Nam: Cách nhìn từ trẻ em có và/hoặc bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS và những người chăm sóc (Boston: Đại học Boston, 2009)



## VII. Giáo dục, vui chơi và các hoạt động văn hoá

### Giáo dục (Điều 2, 28, 29)

*Khuyến nghị cuối cùng số 48*

Xin xem thêm phần Không phân biệt đối xử, Tên và Quốc tịch, Ngược đãi và bạo hành với trẻ em, HIV/AIDS, Giáo dục hoà nhập; Trẻ em bị buôn bán, trẻ em bị bắt cóc; Trẻ em di cư.

### Quyền được tiếp cận giáo dục (Điều 28)

Đã có những tiến bộ đáng kể trong việc công nhận quyền được tiếp cận giáo dục, thể hiện qua tỷ lệ trẻ em nhập học đúng độ tuổi với bậc tiểu học cao đạt 93.5%, tỷ lệ đến lớp thường xuyên của học sinh tiểu học đạt 95.4%<sup>30</sup>. Không có sự khác biệt trong tỷ lệ đến lớp thường xuyên giữa trẻ em gái và trẻ em trai<sup>31</sup>. Tuy vậy, hiện vẫn tồn tại những chênh lệch lớn giữa các khu vực địa lý, dân tộc và điều kiện kinh tế xã hội. Hơn nữa, những thành tựu đạt được về phổ cập giáo dục chưa đi đôi với việc đảm bảo sự bình đẳng trong cơ hội học tập cho tất cả trẻ em. Các trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, dễ bị tổn thương, trẻ em bị thiệt thòi tiếp tục gặp phải những rào cản đáng kể, phức tạp và dai dẳng liên quan đến việc nhập học, đến lớp thường xuyên và hoàn thành giáo dục cơ bản đúng thời hạn.

Nhiều trẻ em sống ở vùng sâu, vùng xa, miền núi và trẻ em trong độ tuổi từ 0-5 không có cơ hội tiếp cận đến các chương trình và hoạt động giáo dục mầm non. Chỉ 57.1% trẻ em từ 36-59 tháng tuổi được đi học mầm non, và có sự khác biệt lớn về tỷ lệ học sinh đến lớp ở cấp mầm non giữa các vùng nông thôn (51.4%) và thành thị (74.7%)<sup>32</sup>. Theo các Tổ chức phi chính phủ trong nước, lý do của tình trạng này bao gồm: thiếu các điều kiện về trường lớp; cha mẹ không nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục mầm non; và thiếu các nguồn kinh phí tại các vùng nông thôn. Các tổ chức này cũng đề xuất giáo dục mầm non miễn phí sẽ giúp giải quyết được một số khó khăn trên. Hạn chế trong nhận thức và cam kết của cộng đồng và Chính phủ về học tập đối với trẻ trong những năm đầu đời đã dẫn đến mức đầu tư thấp của Chính phủ vào cơ sở hạ tầng, đào tạo giáo viên và huy động sự đóng góp của cộng đồng. Đầu tư hạn chế của Chính phủ sẽ đặt gánh nặng về tài chính cho giáo dục mầm non lên vai phụ huynh mà thường thì họ không thể hoặc không sẵn sàng đặt ưu tiên cho giáo dục mầm non của con em mình. Xem Phụ lục II về Quyết định của Chính phủ năm 2008 liên quan đến giáo dục mầm non.

Trẻ em từ 6 đến 14 tuổi cũng gặp những rào cản về địa lý và kinh tế - xã hội đối với giáo dục cơ bản, cụ thể là tỷ lệ nhập học và hoàn thành cấp học, tỷ lệ không đến lớp thường xuyên, tỷ lệ bỏ học ở cả bậc tiểu học (trung bình trên toàn quốc là 3.1% và ở vùng Tây Bắc là 6.1% năm 2002-2003) và bậc trung học cơ sở (trung bình trên toàn quốc là 5.9% và ở vùng Tây Nguyên là 6.5%)<sup>33</sup>. Trẻ em, phụ huynh, cộng đồng và chính quyền địa phương hiểu biết ít về quyền trẻ em và tầm quan trọng của giáo dục cho mọi người, đặc biệt cho các trẻ em gái, do phải làm việc nhà, lấy chồng sớm và phải làm những công việc bị coi là của nữ giới mà không được đến trường. Theo như đề xuất từ phía các Tổ chức phi chính phủ trong nước, các vấn đề về giới này cần được đề cập một cách chính thức trong chương trình giảng dạy tại trường học. Đánh giá khảo sát về Thanh thiếu niên Việt Nam (SAVY)<sup>34</sup> cho thấy 19% thiếu nữ người dân tộc thiểu số chưa bao giờ được đi học và hai phần ba số trẻ em bỏ học là trẻ em gái. Hơn nữa, dù Chính phủ đã đầu tư đáng kể cùng với các nguồn viện trợ chính thức ODA và các nhà tài trợ khác vào phát triển cơ sở hạ tầng cho trường học, vẫn còn nhiều

<sup>30</sup> GSO 16.

<sup>31</sup> MOLISA: 2008, 39.

<sup>32</sup> GSO 15.

<sup>33</sup> Phân tích thực trạng quyền trẻ em, Phần Giáo Dục - Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Anh, Chương trình Việt Nam; Việt Nam - Điều tra mức sống dân cư, UNICEF.

<sup>34</sup> Khảo sát do Bộ Y Tế, Tổng cục thống kê, Tổ chức Y tế thế giới và UNICEF tiến hành năm 2005 với sự tham gia của gần 7.600 người từ 42 tỉnh thành trên toàn quốc, bao gồm cả nam và nữ, những người đã kết hôn và chưa kết hôn, người Kinh và người dân tộc thiểu số.

cộng đồng và trẻ em, đặc biệt ở các vùng sâu, vùng xa, vùng núi chưa được tiếp cận các cơ sở vật chất trường học đầy đủ, bao gồm các lớp học phân hiệu, các thiết bị phòng học bán trú, các phòng chức năng, công trình nước sạch và vệ sinh, phòng chăm sóc y tế và bếp ăn.

Hơn nữa, có một lượng không nhỏ trẻ em trong xã hội chưa được thống kê đầy đủ. Việc quản lý một nhóm trẻ em di cư vẫn còn gặp khó khăn, bao gồm trẻ em sống thành từng nhóm và lẩn tránh chính quyền, trẻ em giúp việc trong nhà, và trẻ em lao động dưới các hình thức cưỡng bức. Các nhóm trẻ này, cùng với trẻ em di cư, chưa được tiếp cận các cơ hội giáo dục thỏa đáng so với những trẻ em thường trú tại các vùng đô thị. Lý do là các trẻ em này nằm trong số nhóm người nghèo nhất của Việt Nam, các em cũng là đối tượng dễ bị tổn thương nhất; có xu hướng không được thừa nhận một cách chính thức, hoặc không được đăng ký với chính quyền.

Vấn đề khả năng chi trả cho giáo dục của trẻ em nghèo nhất và gia đình các em đang thu hút sự quan tâm đáng kể. Việc thu học phí ở bậc học mầm non và trung học cơ sở và “chi phí ẩn” của giáo dục tiểu học vốn không tính đến nhóm trẻ em nghèo nhất và dễ bị tổn thương nhất đang được xã hội chú ý. Mặc dù trẻ em nghèo và dễ bị tổn thương đã được miễn giảm học phí cơ bản, nhưng những khoản đóng góp không chính thức (không được quy định trong chính sách miễn giảm) thường khiến cho những trẻ em này không có khả năng chi trả cho việc học hành.

Nhìn chung, vẫn còn sự mâu thuẫn giữa áp lực về tăng cơ hội tiếp cận giáo dục cho mọi trẻ em với áp lực cạnh tranh về chuẩn giáo dục quốc gia vốn không khuyến khích sự đăng ký và nhập học của những trẻ em có khả năng bỏ học cao.

### **Quyền được giáo dục có chất lượng (Điều 29)**

Vẫn tồn tại một số vấn đề liên quan đến chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp trong hệ thống giáo dục của Việt Nam, đặc biệt đối với trẻ em dân tộc thiểu số sống tại các vùng núi, vùng sâu, vùng xa, trẻ em tàn tật và học sinh trung học cơ sở nói chung. Tỷ lệ lưu ban và bỏ học có mối liên quan rõ ràng với chất lượng giáo dục thấp ở tất cả các cấp học và đặc biệt cao đối với các nhóm này. Kết quả học tập của các trẻ em này thấp, đặc biệt khi nhóm trẻ này tiếp tục theo học lên các bậc học cao hơn. Chính phủ hiện đã nhận ra những hạn chế trong môi trường giáo dục hiện tại, những yếu kém trong các kỹ năng thực tế của học sinh tiểu học và các cấp học cao hơn, cũng như khả năng suy nghĩ sáng tạo và khả năng tự học của học sinh đã không được chú trọng khuyến khích đầy đủ.<sup>35</sup>

Các phương pháp dạy học hiện vẫn đang được nhìn nhận là quá thụ động, chú trọng đến lý thuyết và ghi nhớ bằng cách học thuộc lòng và nhắc lại hơn là thông qua giao tiếp và sáng tạo. Trong khi ghi nhận “những cố gắng lớn đã đạt được nhằm cải tiến nội dung bài giảng, thì phong cách dạy học vẫn thiên về các phương pháp thụ động theo thói quen hơn là các phương pháp dạy học tích cực. Đọc chính tả, nhắc lại, sao chép và kiểm tra không khuyến khích các kỹ năng phân tích, kỹ năng cá nhân và kỹ năng giải quyết vấn đề. Cùng với tài liệu giảng dạy nặng về lý thuyết, các mô hình giảng dạy gần đây cũng thiên về học thuộc lòng và nhắc lại hơn là trao đổi và sáng tạo”<sup>36</sup>.

Cách tiếp cận từ trên xuống và chuẩn hoá tài liệu giảng dạy được xem là những điểm yếu, đặc biệt khi áp dụng cho việc dạy trẻ em người dân tộc thiểu số, bởi các thầy cô được cử đến dạy ở những vùng này thường là giáo viên ít kinh nghiệm. Cấu trúc và tổ chức nội dung/trật tự thời gian của tài liệu giảng dạy cũng là một rào cản đáng kể trong việc hoà nhập của các đối tượng trẻ em dễ bị tổn

<sup>35</sup> MOLISA: 2008, 97.

<sup>36</sup> Phân tích thực trạng quyền trẻ em, Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Anh năm 2006

thương, những đối tượng có những yêu cầu và phong cách học riêng, khiến cho các em này khó đạt được những tiến bộ cá nhân trong điều kiện giáo trình không được thiết kế linh hoạt. Thiếu các tài liệu giảng dạy có nội dung thay đổi phù hợp với văn hoá địa phương để phản ánh các bối cảnh địa phương, các kiến thức bản địa cũng như các học liệu đã khiến việc tiếp thu kiến thức và tích lũy kinh nghiệm trong việc học cũng như nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục tiểu học trong các nhóm người dân tộc thiểu trở nên hạn chế. Tiếng Việt là ngôn ngữ giảng dạy chính ở bậc giáo dục tiểu học. Ở vùng sâu, vùng xa, đa số giáo viên không phải là người dân tộc bản xứ, họ dạy học và không nói được tiếng địa phương. Rất nhiều trẻ em dân tộc thiểu số đi học lớp một mà vẫn chưa nắm bắt được Tiếng Việt gây trở ngại đến quá trình học tập và làm tăng nguy cơ bỏ học. Cần ghi nhận rằng tại một vài địa phương, Chính phủ đang khuyến khích học các ngôn ngữ dân tộc thiểu số trong nhà trường để giúp học sinh học tốt hơn.

Những thành tựu về giáo dục cho trẻ em khuyết tật tại Việt Nam hiện tại vẫn thấp. Thiếu giáo viên được đào tạo cho giáo dục trẻ khuyết tật và thông tin liên quan đến trẻ khuyết tật là những yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến tỷ lệ không đi học và tỷ lệ bỏ học. Trong khi đó, các trẻ em khuyết tật còn phải chịu sự kỳ thị và phân biệt đối xử từ phía bạn bè và cả các thầy cô giáo của mình, điều này cũng làm ảnh hưởng đến tỷ lệ chuyên cần và tiến bộ học tập của các em.

Nạn bạo lực từ phía giáo viên và các trẻ em do bị bắt nạt và bị đối xử tàn tệ là một vấn đề trong trường học. Theo một nghiên cứu chi tiết về nạn bạo lực trẻ em, 60% trẻ em cho biết các em vẫn đang bị bạo hành, bao gồm cả trừng phạt thân thể trong trường. Nhiều trường hợp nghiêm trọng đã đặt ra một nhu cầu cần thiết phải có những cơ chế đồng bộ để báo cáo kịp thời và xử trí thích hợp nạn bạo lực học đường. Giáo viên cần nâng cao các kỹ năng kỹ thuật tích cực và giao tiếp hiệu quả với học sinh.

Hiện vẫn còn tồn tại các lo ngại về quyền được phát triển, quyền được bảo vệ và quyền được tham gia của trẻ em trong bối cảnh môi trường thể chất, tâm lý – xã hội trong môi trường học đường của Việt Nam. Tại rất nhiều vùng nông thôn, miền núi và vùng sâu, vùng xa, trẻ em không có cơ hội tiếp cận tới môi trường giáo dục có chất lượng, trang thiết bị xuống cấp và đang trong tình trạng nguy hiểm. Trường học không có đủ ánh sáng và hệ thống thông gió, không có trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập phù hợp, chất lượng và đồ dùng giảng dạy thân thiện với trẻ em còn hạn chế. Công trình nước sạch và vệ sinh, điều kiện chăm sóc y tế và vệ sinh học đường tiếp tục là vấn đề đáng quan tâm với gần 90% trường học không có nhà xí và nước uống hợp vệ sinh đặc biệt có tác động đáng kể tới trẻ em gái<sup>37</sup>.

Ngoài các hoạt động dạy và học trên lớp, cần phải tạo ra những cơ hội có ý nghĩa hơn để trẻ tham gia vào quá trình ra quyết định đối với các vấn đề ảnh hưởng tới cuộc sống học tập hàng ngày của các em tại trường học. Chính phủ đã giới thiệu phương pháp tự đánh giá trường học có sự tham gia và các quá trình lập kế hoạch để khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào sự phát triển của trường học, khuyến khích thiết lập các Hội cha mẹ học sinh và Ban học sinh. Tuy vậy trẻ em, phụ huynh và cộng đồng còn thiếu những kỹ năng cần thiết và nhận thức để tham gia một cách có ý nghĩa vào quá trình ra quyết định, những đóng góp của họ thường không được đánh giá và được công nhận một cách thỏa đáng.

Theo một Tổ chức phi chính phủ trong nước, các dấu hiệu về vấn đề sức khoẻ tâm lý của trẻ em trong trường học đang tăng lên đáng kể trong những năm gần đây<sup>38</sup>, gần đây lên tới 20%. Để có

<sup>37</sup> Bộ Y tế và UNICEF, Tóm tắt Khảo sát Quốc gia về Vệ sinh môi trường và tình hình vệ sinh tại Việt Nam (Hà Nội 2007)

<sup>38</sup> Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Yêu cầu về giáo dục chăm sóc sức khoẻ tâm lý tại Việt Nam, (Hà Nội năm 2007), 6.

thêm thông tin liên quan, xin xem thêm Phụ lục II. Tại các thành phố lớn đã thành lập được một vài trung tâm chăm sóc, trị liệu và phòng chống các vấn đề về sức khoẻ tâm lý cho trẻ em. Tuy nhiên, khả năng tiếp nhận của các trung tâm này còn hạn chế. Các trung tâm này không thể chăm sóc cho tất cả các trẻ em có nhu cầu được hỗ trợ. Do đó, Chính phủ nên khẩn trương xem xét việc phát triển một hệ thống chăm sóc sức khoẻ tâm lý tại tất cả các trường học bao gồm cả việc đào tạo các chuyên gia tâm lý trong nhà trường.

Những trẻ em tham gia tham vấn khẳng định tính xác thực của các vấn đề nêu trên và đòi hỏi quyền được hưởng chất lượng dạy và học tốt hơn nữa, trang thiết bị trường lớp tốt hơn nữa và giảm tình trạng trẻ em bỏ học.

#### **Khuyến nghị:**

- Tạo cơ hội tiếp cận với giáo dục mầm non và các dịch vụ phát triển cho trẻ em dưới 6 tuổi, ưu tiên cho trẻ em dân tộc thiểu số và các trẻ em có hoàn cảnh khó khăn;
- Nhấn mạnh xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn cho giáo dục nhằm hướng tới việc công nhận quyền được giáo dục cho mọi trẻ em có tính đến các xu hướng kinh tế - xã hội; đầu tư và thực hiện các chiến lược giáo dục phản ánh thực trạng kinh tế - xã hội của các hộ gia đình nghèo và các yếu tố cản trở trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được đi học; giảm thiểu “chi phí không chính thức” gây trở ngại cho việc đến trường của các em;
- Ban hành các tiêu chuẩn và mã trường rõ ràng dựa trên nguyên tắc quyền trẻ em, đảm bảo điều kiện tốt về chăm sóc y tế, vệ sinh học đường, môi trường tâm lý an toàn, bảo vệ và thuận lợi;
- Xem xét, đánh giá các chương trình cải cách hiện nay để tiếp tục củng cố chương trình dạy học dựa trên kỹ năng và hoà nhập, tôn trọng sự đa dạng tập trung vào nhóm trẻ dân tộc thiểu số và trẻ khuyết tật; thực hiện kế hoạch đào tạo giáo viên hiệu quả và đa dạng hoá các nguồn học liệu.
- Thúc đẩy việc phát triển các công cụ cùng cơ chế tăng cường sự tham gia của trẻ và phụ huynh vào các quá trình phát triển trường học có sự tham gia, các đánh giá về đầu ra của học tập.
- Tổng hợp và đánh giá các can thiệp thí điểm, đưa các sáng kiến vào chính sách và chiến lược cấp quốc gia về dạy học bằng tiếng mẹ đẻ, tiến hành xây dựng tài liệu và giáo trình cũng như đào tạo giáo viên.

#### **Giáo dục hoà nhập và trẻ khuyết tật (Điều 2, 23, 28)**

*Khuyến nghị cuối cùng số 23, 44*

Năm 2007, Việt Nam ký Công ước Liên hợp quốc về Quyền của người khuyết tật. Pháp luật Việt Nam quy định quyền của người khuyết tật (PWDs) nói chung và trẻ em khuyết tật nói riêng được tiếp cận bình đẳng với các dịch vụ giáo dục, y tế và các cơ hội nghề nghiệp. Tuy nhiên trên thực tế, việc thực thi các đạo luật và quy định còn rất yếu mặc dù các quy định pháp lý đã tạo được những cơ hội thuận lợi về hoà nhập cho trẻ em khuyết tật. Xin xem thêm Phụ lục II chi tiết về các khung pháp lý của Việt Nam, các chính sách và thực hiện các hoạt động liên quan đến trẻ em khuyết tật.

Chính phủ đặt mục tiêu đến năm 2010, 70 % trẻ khuyết tật sẽ được tham gia vào một số môi trường mang tính giáo dục, như vậy 30% số trẻ còn lại này vẫn không thể tiếp cận giáo dục.<sup>39</sup> Điều này minh chứng rằng ngoài một số tỷ lệ trẻ em không thể hòa nhập được hoặc khả năng hòa nhập được gần như không có, vẫn còn có nhiều trẻ khuyết tật chưa được hưởng lợi từ việc thực hiện các chính sách về giáo dục hòa nhập. Để lý giải cho thực tế này có nhiều lý do và phức tạp, chẳng hạn như tiếp cận đến các nguồn quỹ, yếu tố về địa lý và văn hoá cũng là những yếu tố rất quan trọng. Đối với nhiều trẻ em có vấn đề về đi lại thì việc đến trường thường là không thể. Mặc dù đã có nhiều

<sup>39</sup> Chương trình Hành động Quốc gia vì Trẻ em giai đoạn 2001-2010, Giáo dục, 71.

quy định của Chính phủ về thiết kế và xây dựng trường mới, nhưng Bộ Giáo dục chưa thực hiện được vai trò theo dõi giám sát đầy đủ.

Những thành tựu đạt được về giáo dục cho trẻ khuyết tật của Việt Nam vẫn còn thấp. Thiếu tập huấn cho giáo viên và thiếu thông tin liên quan đến trẻ em khuyết tật là những yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến tỷ lệ đi học và tỷ lệ bỏ học của học sinh. Trong khi đó thì sự phân biệt đối xử và thành kiến đối với trẻ em khuyết tật của cả giáo viên và các bạn đồng lứa cũng ảnh hưởng tới sự chuyên cần và các tiến bộ của các em tại trường học. Giáo viên và học sinh trong trường học cũng cần có thái độ phù hợp lên án các hành vi cản trở sự tiến bộ của các trẻ em khuyết tật.

Can thiệp sớm và các hoạt động hướng nghiệp cần được triển khai tại phần lớn các tỉnh thành – đây là vấn đề được đề cập trong rất nhiều nghiên cứu – vì các can thiệp sớm rất quan trọng đối với rất nhiều trẻ khuyết tật và điều này giúp giảm thiểu rất nhiều những vấn đề sau này mà các em gặp phải khi đi học.

Cần có nhiều hơn nữa những khảo sát đánh giá, cung cấp các số liệu đáng tin cậy về trẻ em khuyết tật, hoặc các cơ sở dữ liệu phân biệt các nhóm khuyết tật khác nhau.

Thực hiện giáo dục hoà nhập mang tính hệ thống hiện nay vẫn đang còn rất hạn chế. Trên thực tế chỉ những tỉnh/huyện nhận được hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật từ các tổ chức phi chính phủ quốc tế và/hoặc từ các tổ chức tài trợ là thực sự triển khai giáo dục hoà nhập. Để cải thiện tình trạng này, Sở Giáo dục & Đào tạo tại các tỉnh cần củng cố chuyên môn và tầm nhìn về giáo dục hoà nhập. Bên cạnh đó, Chính phủ cần phân bổ ngân sách để hỗ trợ pháp lý hoặc cần có những chỉ đạo rõ ràng về cách thức phân bổ các nguồn lực địa phương. Những cơ chế giám sát cũng như các khung chiến lược là cần thiết giúp phát triển các chương trình hành động hướng tới mục tiêu và các đối tượng hưởng lợi cũng như xác định các yêu cầu về nguồn lực.

#### **Khuyến nghị:**

- Chính phủ Việt Nam cần:
- Khẩn trương thông qua Chương trình hành động quốc gia về giáo dục cho trẻ khuyết tật từ 2005-2015 và ưu tiên cho trẻ em khi lồng ghép Công ước quốc tế về Quyền của người khuyết tật vào các quy định của pháp luật Việt Nam;
- Phân bổ các dòng ngân sách riêng dành cho giáo dục hoà nhập và tăng các nguồn lực để phân bổ cho quản lý địa phương ở mỗi cấp hành chính (cấp tỉnh, huyện và xã);
- Cải thiện chất lượng đào tạo bồi dưỡng chuyên môn về giáo dục hoà nhập cho giáo viên, đào tạo mới và phát triển mạng lưới hỗ trợ giáo viên;
- Đảm bảo thực thi nghiêm chỉnh các quy định về nhận học sinh có nhu cầu đặc biệt vào học chung trường với các học sinh bình thường khác;
- Phát triển các hướng dẫn và đề án về hỗ trợ trẻ khuyết tật tiếp tục vào học các trường phổ thông trung học và trường dạy nghề;
- Tiếp tục có những bước đi xa hơn tạo điều kiện cho mọi trẻ em đều được hưởng giáo dục mang tính đặc thù với năng lực, phương pháp học lấy trẻ làm trung tâm có xem xét đến năng lực và năng khiếu của các em chứ không phân loại các em theo các khó khăn mà các em có thể gặp phải;
- Thực thi các quy định của pháp luật về tiếp cận cho người khuyết tật với các toà nhà mới và mở rộng nhóm các công trình này để bao gồm cả các toà nhà, văn phòng và trụ sở làm việc của các cơ quan của Chính phủ.

#### **Vui chơi và giải trí (Điều 31)**

#### **Quyền được sống, sống còn và quyền được phát triển (Điều 6 đoạn 2)**

*Khuyến nghị cuối cùng số 28*

Bảo vệ trẻ em là vấn đề trọng tâm của Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Việt Nam và Mục tiêu phát triển xã hội và giảm nghèo (VDGs) đến năm 2010 trong khi Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em năm 2004 (Điều 12, 17) công nhận trẻ em có quyền được chăm sóc và nuôi dưỡng cũng như có quyền được vui chơi. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch được uỷ quyền để hướng dẫn việc xây dựng các thư viện, câu lạc bộ và các địa điểm vui chơi giải trí, hoặc phân ít nhất 20% ngân sách để xây dựng các công trình công cộng phục vụ cho nhu cầu của trẻ em. Tuy nhiên việc thực hiện khung pháp luật này rơi vào tình trạng thiếu các điều kiện cần thiết, ít nhất là tại các vùng sâu, vùng xa.

Các đánh giá nhu cầu đã tiến hành với trẻ em sống tại các vùng sâu, vùng xa<sup>40</sup> cho thấy hiện trạng của trẻ em sống tại các vùng này đặc biệt không an toàn. Ví dụ, trẻ em sống tại 4 xã nghèo vùng núi thuộc nhóm điều tra phải sống dưới những điều kiện sống hết sức khó khăn<sup>41</sup>, làm ảnh hưởng tiêu cực tới sự phát triển về thể chất, trí tuệ và tâm lý của trẻ. Nhiều trẻ em hiện đang phải chật vật để có được những nhu cầu cơ bản cho sự sống còn hàng ngày của các em. Có một khoảng cách lớn trong khả năng tiếp cận và chất lượng của các dịch vụ công giữa người giàu và người nghèo, giữa trẻ em trai và trẻ em gái tại những địa phương đã tiến hành đánh giá, điều này phản ánh thực trạng tại những vùng sâu, vùng xa khác. Tại những vùng này, cộng đồng có những nhận thức, kiến thức và hiểu biết hạn chế về quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em. Người lớn có hiểu biết rất hạn chế về quyền trẻ em và tầm quan trọng của việc tạo ra những môi trường mang tính hỗ trợ để giúp trẻ em phát triển toàn diện. Việc thực hiện luật và các quy định liên quan đến trẻ em tại cấp xã hiện rất yếu. Có một lo ngại lớn về thực trạng an toàn đối với trẻ em và các tai nạn thương tích thường gặp của trẻ tại cộng đồng. Mở rộng đường giao thông cho xe ô tô, tăng số lượng xe máy tại những hộ gia đình khá giả và hiểu biết hạn chế của trẻ em dân tộc thiểu số về luật an toàn giao thông là những lo ngại lớn của cha mẹ về an toàn đối với con cái họ khi đi lại. Các ca đuối nước của trẻ em tại những vùng sâu, vùng xa cũng xảy ra thường xuyên. Trẻ em là những đối tượng dễ bị tổn thương nhất với những thiên tai, dịch bệnh vốn thường xảy ra tại những vùng sâu, vùng xa này.

Ở cấp quốc gia, những dự án đem lại lợi nhuận thường nhận được ưu tiên lớn hơn so với đầu tư công vào các không gian dành cho trẻ em. Việc phân bổ đất để xây dựng sân chơi cho trẻ em hoặc những địa điểm vui chơi giải trí không được chú ý một cách đúng đắn trong quy hoạch nông thôn hoặc đô thị, và phân bổ ngân sách cho trang thiết bị cho các hoạt động vui chơi của trẻ em cũng không đủ. Tại những nơi được tư nhân đầu tư các trang thiết bị cho hoạt động vui chơi, vé vào cửa cao cũng là một yếu tố cản trở đối với trẻ em tại các gia đình nghèo. Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em trước đây là cơ quan chịu trách nhiệm xây dựng các chiến lược nhằm tạo ra những địa điểm an toàn để tổ chức các hoạt động vui chơi tại cấp huyện và cấp xã cũng như bảo vệ trẻ em thì năng lực hạn chế, và nguồn vốn không đủ để cung cấp các dịch vụ công chất lượng cao cho chăm sóc và bảo vệ trẻ em.

Trẻ em thành thị cũng không có đủ thời gian để vui chơi do phải dành phần lớn thời gian vào việc học. Nhà trường và gia đình hiếm khi xem xét các quyền của trẻ em được vui chơi và phát triển toàn diện hơn so với việc chỉ chú tâm đến các hoạt động tại trường học. Nên cải thiện chất lượng các sân chơi cho trẻ em tại các trường học và nhà trường nên tổ chức nhiều các hoạt động vui chơi

---

<sup>40</sup> ChildFund. Báo cáo điều tra đánh giá về thực trạng trẻ em tại các xã nghèo miền núi thuộc tỉnh Hoà Bình và Bắc Cạn. Việt Nam: 2006.

<sup>41</sup> Nguyễn Thị Mỹ Lộc, 6.

ngoại khoá cho trẻ em. Trong tham vấn trẻ em, các trẻ em cho biết cha mẹ của các em không thể đáp ứng đủ nhu cầu của trẻ khi cả cha mẹ có điều kiện kinh tế và cha mẹ nghèo đều nghĩ rằng trẻ không có bất kỳ nhu cầu gì khác ngoài học tập.

Các tác động ngoài dự kiến của nền kinh tế thị trường làm tăng số lượng nguy cơ tiềm năng đe dọa trẻ em không chỉ tại các thành phố và khu công nghiệp mà còn ở các xã miền núi. Có sự gia tăng các loại tội phạm xã hội, nghiện hút, lao động trẻ em, buôn bán trẻ em và bóc lột tình dục. Một hiện trạng là trẻ em thiếu các kinh nghiệm thực tế và kỹ năng sống để đối phó với những nguy cơ trên. Các trẻ em tham gia trong tham vấn trẻ em mong muốn giáo viên hướng dẫn các em những kỹ năng sống cần thiết như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự bảo vệ và các kiến thức về sức khoẻ sinh sản vị thành niên.

**Khuyến nghị:**

- Cần thiết phải có những cam kết mạnh mẽ của chính quyền trung ương và địa phương về phân bổ ngân sách hàng năm để đảm bảo các quyền của trẻ em về vui chơi và giải trí;
- Chính phủ thực hiện rộng rãi và hiệu quả hơn các chính sách hiện tại nhằm tuyên truyền và nâng cao nhận thức cho người dân về phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ em, tập huấn về an toàn cho trẻ, cung cấp các kỹ năng sống cho trẻ em và cha mẹ của các em;
- Giám sát việc phân bổ đất đai cho xây dựng các công trình vui chơi giải trí cho trẻ em trong quá trình quy hoạch nông thôn và đô thị và đảm bảo các kế hoạch này là nhất quán và đồng bộ.

## VIII. Các biện pháp bảo vệ đặc biệt

### Trẻ em làm trái pháp luật (Điều 37 (b)-(d), 39, 40)

#### *Khuyến nghị cuối cùng số 54*

Báo cáo quốc gia định kỳ của Chính phủ Việt Nam về thực hiện Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em giai đoạn 2002-2007 đề cập đến một số lượng lớn các hoạt động đã triển khai trong chu kỳ báo cáo do nhiều cơ quan tổ chức đảm đương các vai trò khác nhau liên quan đến đảm bảo, bảo vệ và thực hiện các quyền được bảo vệ đặc biệt và quyền tư pháp của trẻ em. Báo cáo khuyến nghị Chính phủ nên nhấn mạnh và phản hồi về từng khuyến nghị của Ủy ban công ước quốc tế về quyền trẻ em, đặc biệt là những khuyến nghị liên quan đến việc ban hành một đạo luật riêng về tư pháp vị thành niên và thiết lập một hệ thống toà án vị thành niên, và đảm bảo rằng tước bỏ tự do của trẻ vị thành niên phạm tội chỉ được sử dụng như một giải pháp cuối cùng. Cần có thêm nhiều bằng chứng hơn nữa về những tác động tích cực từ các can thiệp của Chính phủ liên quan đến trẻ em làm trái pháp luật.

Luật Trợ giúp pháp lý (ban hành tháng 1 năm 2007) nói rằng trẻ em, những người có quyền như quy định trong tất cả các văn bản pháp lý mà Việt Nam đã phê chuẩn, đặc biệt trẻ em trong những hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, có quyền được trợ giúp pháp lý. Cơ sở dữ liệu về việc thực hiện luật này hiện tại khó tiếp cận và xem ra còn rất nhiều trẻ em hiện chưa nhận được các trợ giúp pháp lý phù hợp và kịp thời. Chúng tôi khuyến khích có thêm phần nội dung về tiến bộ đạt được trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý và những đóng góp cho việc đảm bảo trẻ em được quyền tiếp cận các dịch vụ cơ bản và tiếp cận công lý trong các báo cáo tới đây của Nhà nước.

Một số thách thức chủ yếu khác trong lĩnh vực tư pháp vị thành niên cần phải được trình bày và thảo luận đầy đủ hơn trong báo cáo quốc gia, cũng như cần được giải quyết thỏa đáng hơn trên thực tế, bao gồm:

- Có một khoảng cách đáng kể giữa thông tin về các bộ luật và việc hiểu rõ hàm ý thực tế của các bộ luật/các công cụ/tiêu chuẩn quốc tế này; giữa cán bộ hiện đang thực thi luật trong hệ thống hành chính và chuyên gia tư pháp trong việc áp dụng những bộ luật vào giải quyết các trường hợp trong thực tế.
- Rào cản đối với việc thực thi pháp luật do sự chông chéo và không nhất quán giữa luật và các văn bản dưới luật, do các nghị định và hướng dẫn không đầy đủ và chậm trễ trong việc ban bố (ví dụ các hướng dẫn về áp dụng biện pháp hành chính và vụ hồi); Các biện pháp tư pháp giáo dục và phục hồi dựa trên lợi ích tốt nhất của trẻ em chưa được thực hiện đầy đủ.

Trong chu kỳ báo cáo, các số liệu cho thấy sự gia tăng đáng báo động số trẻ em phạm tội và trộm cắp, trộm cắp, quấy rối trật tự xã hội, thậm chí là hiếp dâm và giết người. Trong năm 2002 và 2006, tỉ lệ trẻ em phạm tội giết người đã tăng từ 0.95% lên 1.03%; xâm hại tình dục/hiếp dâm từ 2.19% lên 2.8%<sup>42</sup>. Những trẻ em này vẫn gặp phải rất nhiều trở ngại để được hưởng quyền được bảo vệ đặc biệt và được tiếp cận tư pháp giáo dục và phục hồi. Số lượng trẻ em bị gửi đi các trường giáo dưỡng đang gia tăng, điều này ảnh hưởng tới tâm lý và thể chất của các trẻ vị thành niên và cô lập trẻ khỏi cộng đồng xung quanh. Tại 4 trường giáo dưỡng thuộc tỉnh Ninh Bình, Đà Nẵng, Đồng Nai và Long An, số trẻ bị gửi đến trường đã tăng từ 1591 trong năm 2001 tới 2294 trong năm 2008<sup>43</sup>. Quá trình ra quyết định đưa trẻ đến trường giáo dưỡng (là áp dụng biện pháp xử phạt hành chính) trong nhiều trường hợp, đã không tính đến các quyền của trẻ em. Trẻ em thường không có được các hỗ trợ pháp lý cần thiết trong quá trình ra quyết định này.

Các chuyên gia tư pháp trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý cho trẻ em cần được tập huấn để có hiểu biết đầy đủ về ý nghĩa của các văn bản luật và tiêu chuẩn quốc tế về tư pháp vị thành niên trong vận dụng thực tế, có hiểu biết hơn về tâm lý trẻ em và có kỹ năng tốt hơn về nắm bắt các vấn đề của trẻ và các phương pháp tiếp cận khi làm việc với trẻ em vi phạm pháp luật và trẻ em là nạn nhân và nhân chứng. Các nhóm tư vấn cộng đồng và Hội đồng xét xử cũng cần tham gia các khoá tập huấn tương tự. Cũng cần phải có các hướng dẫn rõ ràng hơn nữa để có sự nhất quán hơn và thực thi tốt hơn các luật và quy định.

#### **Khuyến nghị:**

- Cải thiện các thủ tục hành chính và hình sự cho phù hợp với thực tế đảm bảo sự tương thích hơn với các tiêu chuẩn quốc tế về tư pháp vị thành niên nhằm bảo vệ thực sự quyền được bảo vệ đặc biệt của trẻ em vi phạm pháp luật, trẻ em là nạn nhân bị xâm hại và trẻ em là nhân chứng;
- Đảm bảo sự nhất quán hơn nữa giữa các đạo luật liên quan đến tư pháp vị thành niên. Ban hành và thực thi các hướng dẫn rõ ràng về áp dụng các biện pháp hành chính và vụ hồi;
- Tôn trọng quyền được đảm bảo bí mật, trong đó đặc biệt nhấn mạnh trách nhiệm của giới truyền thông đại chúng không công bố các thông tin có khả năng làm lộ danh tính của trẻ em là nạn nhân/người làm chứng/bị cáo buộc hoặc bị đơn; loại bỏ các phiên tòa công cộng và xét xử từ xa nếu liên quan đến trẻ em;
- củng cố quản lý và giám sát thường xuyên và toàn diện hệ thống hành chính và hệ thống hình sự, đặc biệt các quá trình ra quyết định đưa trẻ đến các trường giáo dưỡng và đưa trẻ về cộng đồng. Dần dần dỡ bỏ các biện pháp cho phép đưa trẻ đến các trường giáo dưỡng;
- Đưa tư pháp vị thành niên vào các quy tắc đạo đức và các hướng dẫn chuyên môn cho tất cả các

<sup>42</sup> MOLISA: 2008, 151.

<sup>43</sup> Các chỉ số về trẻ em tại Việt Nam 2005, CPFC, trang 131.



chuyên gia tư pháp, tập huấn nâng cao nghiệp vụ cho họ nhằm đảm bảo chắc chắn rằng họ có hiểu biết sâu về quyền trẻ em và các tiêu chuẩn quốc tế về tư pháp vị thành niên, và có đầy đủ kỹ năng nắm bắt tâm lý trẻ cũng như các cách tiếp cận hướng tới đối tượng trẻ em làm trái pháp luật, trẻ em là nạn nhân và trẻ em là nhân chứng. Tổ chức đào tạo kỹ năng làm việc với trẻ em cho Nhóm tư vấn cộng đồng và Hội đồng xét xử;

- Phân bổ ngân sách và triển khai các chương trình phòng ngừa tội phạm dựa vào cộng đồng, các chương trình phục hồi và tái hòa nhập có sự tham gia của trẻ em và xã hội dân sự;
- Cải thiện và thống nhất hệ thống số liệu và công tác thu thập số liệu trong cả hệ thống hành chính và hình sự, đảm bảo các bên liên quan có thể tiếp cận hệ thống cơ sở dữ liệu này.

### **Trẻ em trong các trường hợp bị bóc lột**

#### **Bóc lột tình dục và xâm hại tình dục (Điều 34)**

Xin xem phần Ngược đãi và Bạo lực trẻ em trong báo cáo này.

#### **Di cư (Các điều 2, 24, 28, 32, 40)**

##### **Buôn bán và bắt cóc trẻ em (Các điều 10, 11, 34, 35, 39)**

Xin xem phần Ngược đãi và Bạo lực trẻ em trong báo cáo này.

*Khuyến nghị cuối cùng số 50*

*“Công việc chính của mẹ em là thu lượm, mua, bán các túi nhựa và ve chai từ các thùng rác. Một ngày mẹ em kiếm được từ 20 nghìn đồng đến 30 nghìn đồng (dưới 2\$). Đến nay, gia đình em không có điện, nước, và như mẹ em nói nhà em không có đủ tiền để trả cho những “thứ xa xỉ” đó. Một ngày, nhà em phải mua hai xô nước để nấu ăn, sinh hoạt (20.000đ/xô), mọi thứ đều cần đến nước. Nhà em không có Tivi hay đài nhưng em nghĩ là mình không thích xem Tivi.”*

(Một em gái di cư 15 tuổi ở Cà Mau)

*“Nhà em rất nghèo và mẹ em thì bị ốm rất nặng. Theo chị N, em vào Cà Mau để kiếm sống. Người chủ của em đưa cho mẹ em một khoản tiền và mua cho em một ít quần áo mới. Sau hai tháng làm việc ở đây, em không thể trả được khoản nợ đó và người chủ thúc em nếu quan hệ tình dục lần đầu tiên với khách sẽ kiếm được từ 5-7 triệu đồng. Em đã rất lo lắng. Nếu em không làm, làm sao có thể trả được nợ? Hơn nữa ở đây tất cả đang cùng trên một con thuyền.*

(Một em gái 16 tuổi làm nghề chạy bàn cho nhà hàng NK ở Cà Mau)

### **Di cư trong nước**

Xu hướng di cư chung là từ khu vực nông thôn ra thành thị hoặc tới các khu công nghiệp, và di cư từ Bắc vào Nam. Trẻ em và trẻ vị thành niên thường đi cùng cha mẹ mặc dù có những trẻ em di cư một mình. Nguyên nhân phổ biến của di cư thường là để tìm kiếm việc làm. Trong năm 2005, một nửa trường hợp di cư hiện nay thuộc về nhóm những thanh niên dưới 25 tuổi<sup>44</sup>. Không thể biết được số trẻ em di cư dưới 15 tuổi vì các trẻ em di cư ở độ tuổi này không phải đăng ký với công an địa phương.

Luật cư trú cho người nhập cư mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2007. Hiện nay, chỉ sau 1 năm, người nhập cư có thể đăng ký cư trú tại nơi ở mới. Trên giấy tờ thì đây là một bước đi tích cực để đảm bảo cho các trẻ em di cư có thể tiếp cận các quyền về giáo dục và chăm sóc y tế. Tuy nhiên,

---

<sup>44</sup>TS Đặng Nguyên Anh, Di cư trong nước tại Việt Nam: Thách thức và cơ hội cho phát triển, Tham luận tại Hội nghị khu vực về Di cư và Phát triển tại châu Á (Lan Châu, Trung Quốc từ 14 – 16/3/2005).

những quy định này chỉ đem lại lợi ích cho những phụ huynh có khả năng mua nhà và đáp ứng được những điều kiện chặt chẽ về đăng ký hộ khẩu. Vẫn còn có những rào cản/phân biệt đối xử liên quan đến việc tiếp cận các dịch vụ cơ bản như giáo dục và chăm sóc sức khỏe cho những trẻ em di cư. Liên quan đến quyền được hưởng giáo dục, các điều kiện để nhập trường liên quan đến giấy khai sinh và đăng ký hộ khẩu. Phần lớn trẻ em di cư không có giấy khai sinh do các em đã đăng ký khai sinh tại xã nơi các em sinh ra mà không phải là nơi sinh sống hiện tại của các em. Để nhận được một sổ đăng ký hộ khẩu, cha mẹ của các em phải nộp hợp đồng lao động dài hạn và chứng nhận có thu nhập ổn định. Phần lớn các cha mẹ di cư không đáp ứng được các điều kiện trên. Chính quyền địa phương tại nơi đến của những người di cư cần phải hỗ trợ các gia đình này bằng cách cấp mới giấy khai sinh và các giấy tờ được yêu cầu khác. Tuy nhiên khả năng tiếp nhận học sinh của các trường công lập là không đủ và phải dành ưu tiên cho những người có hộ khẩu. Tần suất đi học của các em thường bị gián đoạn bởi yếu tố di cư, như cha mẹ thiếu nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục, thiếu tiền để chi trả học phí và các khoản phụ phí liên quan khác.

Liên quan đến quyền được chăm sóc sức khỏe, các gia đình di cư thường chịu nhiều thiệt thòi nhất. Trẻ dưới 6 tuổi nếu cha mẹ có hộ khẩu thường trú thì thường được khám, chữa bệnh miễn phí, trong khi trẻ di cư dưới 6 tuổi thường không được tiếp cận đến quyền này vì cha mẹ các em không có hộ khẩu thường trú, và các em không có những giấy tờ cần thiết. Điều này càng cho thấy rõ vai trò của các tổ chức xã hội dân sự trong việc tăng cường hỗ trợ cho những đối tượng này tiếp cận dịch vụ

Tình trạng lao động trẻ em rất phổ biến đối với trẻ em di cư. Nhiều trẻ di cư không được đi học và phải đi làm. Điều kiện làm việc khác biệt phụ thuộc vào từng loại công việc. Hơn nữa, trẻ em di cư thường sống mà không có sự bảo vệ của cha mẹ, họ hàng, sự quan tâm của người lớn hoặc chính quyền địa phương, do vậy các em phải đối mặt với rất nhiều những nguy cơ, như bị cướp, bị đánh trên đường phố, bị lôi kéo và ép vào các hành vi phạm pháp, tham gia mua bán và sử dụng ma túy, và hiểm họa làm gia tăng nguy cơ lây nhiễm HIV/AIDS. Trong tham vấn trẻ em, các em cho biết nhiều trẻ em di cư phải làm việc nên các em không có thời gian dành cho việc học. Các em làm việc mà không có hợp đồng, thường không được trả công trực tiếp và thường phải làm việc nhiều giờ trong ngày.

### **Buôn bán người**

Từ 2005 đến 2007, số trường hợp phụ nữ và trẻ em Việt Nam bị buôn bán đã tăng lên gấp đôi<sup>45</sup>. Theo báo cáo, dọc biên giới phía Bắc với Trung Quốc, phụ nữ và trẻ em bị buôn bán làm gái mại dâm. Các trường hợp phụ nữ và trẻ em bị bắt cóc và mang đến biên giới Việt Nam với Lào và Campuchia làm gái mại dâm, hoặc bị chuyển sang các nước thứ ba cũng được ghi nhận. Mặc dù Chính phủ đã phê chuẩn các điều ước quốc tế về buôn bán người và thông qua Chương trình quốc gia giải quyết vấn đề này nhưng vẫn còn rất nhiều các biện pháp chưa thể thực hiện nhằm cải thiện tình trạng buôn bán trẻ em, như:

- Cán bộ hành chính địa phương làm công tác trẻ em, cha mẹ tại các vùng sâu, vùng xa có nguy cơ cao và bản thân trẻ em cần có đủ nhận thức về buôn bán người là gì, về khả năng dễ bị tổn thương của chính bản thân họ, và về các biện pháp phòng ngừa;
- Hiện chưa có các quy định về buôn bán trẻ em trai dưới 16 tuổi;
- Các thủ tục về hồi hương, tái hòa nhập và các hỗ trợ tiếp theo cho các trẻ em là nạn nhân vẫn chưa phù hợp. Kỹ năng tư vấn và các kiến thức về bảo mật thông tin đối với nạn

<sup>45</sup> Quỹ Châu Á, Phòng chống Buôn bán người tại Việt Nam: Bài học và Kinh nghiệm thực tiễn cho thiết kế và thực hiện chương trình trong tương lai 2002-2008 (Hà Nội: Quỹ Châu Á, 2008) 6.

nhân của các chuyên viên tư vấn vẫn còn hạn chế, và hiện tại còn thiếu những thủ tục cụ thể thân thiện với trẻ em.

Xem Phụ lục II để có thêm thông tin về các chính sách quốc gia và điều ước quốc tế.

#### **Khuyến nghị:**

##### ***Về vấn đề trẻ em di cư***

- Khuyến khích chính quyền địa phương thực hiện các thủ tục hành chính và pháp lý thuận lợi để cung cấp đầy đủ cơ hội tiếp cận đến các quyền được giáo dục và quyền được chăm sóc sức khỏe cho mọi trẻ em di cư;
- Nâng cao nhận thức của trẻ em và gia đình các em về tầm quan trọng của giáo dục. Khuyến khích phụ huynh cam kết cho giáo dục của con cái của họ bằng việc đảm bảo “miễn phí” giáo dục tiểu học và không có bất kỳ chi phí không chính thức nào, và đảm bảo hệ thống giáo dục “cởi mở” thông qua các thủ tục đăng ký và điều kiện nhập học linh hoạt;
- Tạo các cơ hội để trẻ em di cư đều được tiếp cận với các hoạt động vui chơi và dịch vụ hỗ trợ pháp lý;
- Nâng cao nhận thức của các chủ lao động, đặc biệt ở khu vực tư nhân về luật lao động để bảo vệ trẻ em. Cần thiết lập và thực hiện bắt buộc các xử phạt nghiêm khắc đối với trường hợp chủ lao động vi phạm những quy định của luật lao động;
- Tập huấn về bảo vệ trẻ em và công tác xã hội cho các cán bộ làm việc với các trẻ em là nạn nhân.

##### ***Về vấn đề buôn bán trẻ em***

- Bổ sung luật về buôn bán trẻ em trai (trên 16 tuổi) và đưa định nghĩa về buôn bán người vào Luật của Việt Nam;
- Xây dựng và hỗ trợ mạng lưới bảo vệ trẻ em tại cộng đồng với mục đích phòng ngừa buôn bán trẻ em, đáp ứng tích cực với/và hỗ trợ trẻ em là nạn nhân bị buôn bán;
- Xây dựng các hướng dẫn và quy trình thủ tục rõ ràng, phân bổ nguồn lực để hỗ trợ trẻ em là nạn nhân trong quá trình hồi hương và tái hòa nhập với cộng đồng;
- Tập huấn về bảo vệ trẻ em và công tác xã hội cho các cán bộ làm việc với trẻ em là nạn nhân và nâng cao khả năng ứng phó cho các cha mẹ ở những vùng sâu, vùng xa/những vùng có nguy cơ.

#### **Trẻ em dân tộc thiểu số (Điều 30)**

*Khuyến nghị cuối cùng số 23, 32, 36, 48*

Chính phủ đã có những nỗ lực lớn nhằm cải thiện tình trạng của trẻ em thuộc các nhóm dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, vẫn tồn tại những khoảng cách như được đề cập đến trong báo cáo này.

Xin xem thêm phần Tình trạng chung của trẻ em Việt Nam giai đoạn 2002 – 2007; Các kết luận chính và khuyến nghị; Không phân biệt đối xử; Tôn trọng quan điểm của trẻ em; Sức khỏe và Các dịch vụ chăm sóc sức khỏe; Quyền được Giáo dục, đặc biệt là tiếp cận giáo dục, bình đẳng giới, sách giáo khoa và học liệu, xây dựng tài liệu hướng dẫn dựa trên tiếng mẹ đẻ và đào tạo giáo viên, các hoạt động vui chơi, giải trí; và Di cư và buôn bán trẻ em.

# PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO THAM VẤN TRẺ EM

## Giới thiệu chung

Báo cáo tham vấn trẻ em là một sáng kiến của nhóm làm việc gồm các Tổ chức Phi chính phủ tham gia chuẩn bị Báo cáo bổ sung cho Báo cáo định kỳ của Chính phủ Việt Nam về thực hiện Công ước quốc tế về Quyền trẻ em giai đoạn 2002 – 2007. Mục đích của các tham vấn trẻ em là nhằm thông báo cho trẻ em về tiến độ thực hiện Báo cáo định kỳ về thực hiện Công ước quyền trẻ em, đồng thời chia sẻ Báo cáo CRC bổ sung, và tập hợp quan điểm của trẻ em về thực hiện Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em tại Việt Nam. Đây là bản Báo cáo bổ sung đầu tiên của các Tổ chức phi chính phủ về tình hình thực hiện công ước quốc tế về quyền trẻ em tại Việt Nam, và cũng là tham vấn trẻ em đầu tiên được tổ chức dưới dạng một báo cáo. Điều này tạo ra một cơ hội quan trọng để trình bày các quan điểm của trẻ em về việc đáp ứng các quyền của trẻ em tại Việt Nam và chia sẻ những kiến nghị của trẻ em đối với những người có trách nhiệm thực hiện các quyền đó.

Báo cáo được xây dựng dựa trên việc kết hợp sáu tham vấn khác nhau với trẻ em. Các tham vấn này được tổ chức tại những địa bàn khác nhau được lựa chọn trên khắp cả nước, bao gồm miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Những trẻ em tham gia trong báo cáo này được lựa chọn thông qua các Nhóm làm việc và qua các liên hệ công việc của các Tổ chức Phi chính phủ tham gia. Do đó, các quan điểm được phản ánh trong các báo cáo này là một thí dụ về việc đưa ra tiếng nói của trẻ em Việt Nam.

Những chủ đề dưới đây được lựa chọn để thảo luận trong quá trình tham vấn dựa trên những kinh nghiệm mà các em đã trải qua liên quan đến: Bạo hành, Sự tham gia của trẻ, Giáo dục, Giáo dục hoà nhập, HIV/AIDS, Di cư và Buôn bán trẻ em ..., và trong giới hạn của báo cáo, sẽ không bao hàm được tất cả các chủ đề trong Báo cáo chính. Trẻ em cũng bày tỏ quan điểm của các em về Không phân biệt đối xử.

Các tham vấn do Nhóm làm việc cho Báo cáo bổ sung chuẩn bị dựa trên những thảo luận trên phạm vi rộng về phương pháp, cách thức lựa chọn nhóm và các chủ đề thảo luận. Các tham vấn được thực hiện từ tháng 1 năm 2008 đến tháng 2 năm 2009 với sự tham gia của 339 trẻ em gái và trẻ em trai từ 10 đến 16 tuổi. Hoàn cảnh của các em rất khác nhau, gồm những trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, trẻ em lang thang, lao động trẻ em, trẻ khuyết tật, trẻ em ở khu vực nông thôn và thành thị và trẻ em trong các trường trung học cơ sở. Các tham dự viên đến từ các vùng địa lý khác nhau, gồm: Quảng Ninh, Hải Phòng, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Tuyên Quang ở phía Bắc; Huế, Quảng Trị, Quảng Ngãi ở miền Trung; và Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp, Bến Tre và tỉnh Long An ở miền Nam Việt Nam.

## Quá trình thực hiện

Trong quá trình chuẩn bị các tham vấn, thông tin liên quan đến Báo cáo bổ sung được dịch ra tiếng Việt Nam. Trẻ em được thông báo về mục đích và tiến trình thực hiện tham vấn. Phần đầu của tham vấn mô tả vấn đề về hệ thống báo cáo về Công ước quốc tế về Quyền trẻ em và giới thiệu về bản Báo cáo bổ sung cũng như tầm quan trọng của việc trẻ em tham gia trong quá trình tham vấn. Các dẫn trình viên có kinh nghiệm, sử dụng các cách tiếp cận giúp trẻ tự tin hơn và tham gia đã giúp đảm bảo tính hiệu quả cho quá trình tham vấn. Trong quá trình tham vấn, việc sử dụng tối đa các công cụ hình vẽ và thảo luận nhóm đã giúp cho việc tổng hợp các quan điểm của trẻ hiệu quả hơn.

## **Kết quả**

Trẻ em rất cam kết và tham gia rất hào hứng vào các tham vấn. Dưới đây là tổng hợp các câu trả lời của các em khi được hỏi lý do tại sao các em lại tham gia vào các tham vấn:

*“Báo cáo thực hiện công ước quốc tế về Quyền trẻ em là báo cáo về trẻ em và như vậy sẽ rất tốt nếu chúng em có thể đóng góp một phần thông tin dưới cái nhìn của chúng em. Việc tham gia của chúng em rất quan trọng vì mặc dù chúng em không có nhiều kinh nghiệm và sự khôn ngoan như người lớn, nhưng những ý tưởng của chúng em rất quan trọng vì chúng em có cách suy nghĩ và quan điểm riêng của mình. Bằng việc nói ra những điều này, người lớn sẽ hiểu tốt hơn những việc họ nên làm cho trẻ em. Việc tham gia của chúng em trong báo cáo sẽ giúp mọi việc được sáng tỏ hơn bởi vì những ý tưởng và quan điểm của chúng em rất khác. Sẽ tốt hơn nếu người lớn không chỉ nghe chúng em, mà còn hành động theo những gì họ đã nói. Trong Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em, điều 12 có quy định về Quyền được tham gia của chúng em. Bằng việc tham gia ngày hôm nay, chúng em đang thực hiện quyền của mình. Điều này quan trọng ở chỗ không chỉ tiếng nói của chúng em được lắng nghe, mà bởi vì nó sẽ giúp vượt qua những điều mà người lớn đã bỏ lỡ.”*

Tất cả trẻ em cung cấp những thông tin về thực hiện Công ước quốc tế về Quyền trẻ em tại địa phương của mình, những bước tiến đã đạt được, trở ngại và các kiến nghị của các em. Quan điểm và những kiến nghị của trẻ em trong các tham vấn được trình bày dưới đây.

## Quan điểm và đề xuất của Trẻ em

### KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

*“Khi biết bố mẹ em có HIV, các bạn không chơi với em nữa. Em đã rất buồn và nghỉ học”*  
(Em gái 16 tuổi sống chung với HIV tại Thành phố Hồ Chí Minh)

*“Em không muốn đến đó chơi vì sợ các bạn ấy đánh mình. Các bạn đánh em, không muốn chơi với em và còn chế giễu em nữa”*  
(Bé gái 6 tuổi sống chung với HIV tại tỉnh An Giang)

#### “Theo quan điểm của chúng em, dưới đây là những vấn đề chính”

- **Trẻ em di cư** bị cộng đồng, trường học, giáo viên và bạn bè xa lánh.
- **HIV/AIDS:** Trẻ em có HIV/AIDS không được đối xử công bằng và phải chịu đựng nhiều hình thức phân biệt đối xử khác nhau.
- **Buôn bán người:** Con em của các nạn nhân hồi hương vẫn còn bị cô lập. Các em không nhận được sự chăm sóc và quan tâm đúng đắn từ phía cộng đồng nơi các em sống.
- **Bạo hành:** Những nhóm trẻ dễ bị tổn thương thường bị phân biệt đối xử và thường là đối tượng của nạn bạo hành trẻ em.
- **Giới:** Trẻ em gái không được tiếp cận tới các quyền giống như đối với trẻ em trai. Cần thiết phải giáo dục về giới trong các trường học.

#### “Có những thành quả đã đạt được khi Quyền của chúng em được ghi nhận”

Trẻ em cho biết **các em bị khuyết tật (CWD)** đã ít bị phân biệt đối xử tại các trường học nơi giáo dục hoà nhập đã được áp dụng trong một thời gian dài.

Rất nhiều trẻ khuyết tật có thể tới trường và không bị phân biệt đối xử. Các em được học cùng lớp với rất nhiều trẻ em khác và do cùng một giáo viên dạy.

#### “Còn những tồn tại đang diễn ra khi Quyền của chúng em chưa được thực hiện”

**Trẻ em có HIV/AIDS** là những đối tượng dễ bị bạn bè đồng trang lứa kỳ thị trong các trường học hoặc trong cộng đồng nơi các em đang sống.

Tồn tại sự kỳ thị và phân biệt đối xử đối với những trẻ em có HIV do sự thiếu hiểu biết và nhạy cảm trong cộng đồng.

Trẻ em có HIV/AIDS phải đối mặt với những khó khăn trong khi tham gia các hoạt động vui chơi giải trí như đối với các trẻ em khác do tồn tại sự phân biệt đối xử.

#### **Trẻ em di cư và trẻ em bị buôn bán** đề cập đến nạn phân biệt đối xử như một vấn đề chính

- Các gia đình nhập cư nghèo không có đủ tiền để khám sức khoẻ cho con.
- Trẻ em nhập cư phải làm việc trong điều kiện không có hợp đồng, thường không được trả công xứng đáng và phải làm việc nhiều giờ trong một ngày.
- Con em của các nạn nhân hồi hương sau khi bị buôn bán còn phải đối mặt với khó khăn liên quan đến đăng ký hộ khẩu (điều này ảnh hưởng tới khả năng tiếp cận giáo dục và chăm sóc y tế dành cho các em).

- Trẻ em bị buôn bán bị họ hàng và cộng đồng coi là “những người có lỗi”.

Một số **trẻ khuyết tật** vẫn phải chịu sự phân biệt đối xử.

- Một số em vẫn còn bị trêu chọc và bị phân biệt đối xử.
- Một số trẻ khuyết tật không tới trường vì khuyết tật của các em hoặc vì không được gia đình cho đi học.

**“Chúng em, những trẻ em xin kiến nghị:”**

### **HIV/AIDS:**

- Đảng và Nhà nước nên ban hành những hướng dẫn cụ thể nhằm thực hiện đúng những chính sách cấm phân biệt đối xử đối với những người bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.
- Tăng cường truyền thông tới cộng đồng để nâng cao hiểu biết của cộng đồng về HIV và giảm sự phân biệt kỳ thị của cộng đồng đối với trẻ em có HIV/AIDS.
- Các trường học nên giữ bí mật về điều kiện sức khoẻ của các trẻ em có HIV nhằm tránh làm sợ hãi và gây xa lánh đối với các trẻ em khác.

### **Trẻ nhập cư và bị buôn bán**

- Cần phải làm nhiều việc hơn nữa để đảm bảo các trẻ em hồi hương sau khi bị buôn bán có thể được tiếp cận giáo dục. Chính quyền địa phương nên hỗ trợ trẻ em nhập cư trong việc đăng ký hộ khẩu để giúp các em tiếp tục việc học của mình.

### **Trẻ em khuyết tật:**

- Cha mẹ nên cho phép trẻ em khuyết tật tới trường vì đây là quyền của các em.
- Giáo viên nên có các kỹ năng dạy học cho trẻ khuyết tật.
- Chính quyền địa phương nên hỗ trợ về giáo dục và các hoạt động vui chơi giải trí dành cho trẻ khuyết tật nhằm giúp các em hoà nhập với cộng đồng.

## **BẠO LỰC**

*“Trẻ em không cần bạo lực.”*

(Trẻ em từ 11 đến 16 tuổi tham gia trong tham vấn nhóm Tân Trào)

**“Theo quan điểm của chúng em, dưới đây là những vấn đề chính”**

- Người lớn chưa **lắng nghe** đủ quan điểm của trẻ em.
- Trẻ em chưa được **đối xử công bằng**.
- **Truyền thông về Luật pháp** chưa đủ thân thiện với trẻ em. Do vậy các em không thể tìm hiểu một cách đúng đắn các quyền của mình, bao gồm cả quyền được bảo vệ khỏi bạo lực.
- Truyền thông về Luật pháp cho người lớn, giáo viên vv.v về Công ước quốc tế về Quyền trẻ em và nội luật về bảo vệ trẻ em khỏi nạn bạo hành chưa đủ hiệu quả.
- Cha mẹ và giáo viên không hiểu biết đúng đắn về **kỷ luật tích cực**.
- Các hành động pháp lý thường chưa được áp dụng đối với những **giáo viên sử dụng bạo lực**.

### “Có những thành quả đã đạt được khi Quyền của chúng em được ghi nhận”

- Tại một số nơi, trẻ em chứng kiến nhiều cách làm thành công trong việc tạo ảnh hưởng đến các bậc cha mẹ và người lớn thông qua các buổi tham vấn và hội thảo.
- Những năm gần đây đã triển khai được những biện pháp bước đầu nhằm giảm tình trạng tình trạng bạo lực trẻ em tại trường học và trong gia đình.
- Các hội thảo và diễn đàn cho trẻ em mặc dù mới ở quy mô hạn chế nhưng đã giúp cải thiện các kỹ năng phòng ngừa bạo lực và kỹ năng tự bảo vệ cho các em.

### “Còn những tồn tại đang diễn ra khi Quyền của chúng em chưa được thực hiện”

- **Trong thực tế, có rất ít sự bảo vệ khỏi nạn bạo hành**, cả về thể chất và tinh thần, và trừng phạt thân thể học sinh trong các trường học.
- **Bạo lực trong gia đình** còn rất phổ biến và thường để lại hậu quả nghiêm trọng nhất đối với một trẻ em.
- **Các nhóm trẻ dễ bị tổn thương** thường bị phân biệt đối xử và là đối tượng dễ bị bạo hành, đặc biệt với các trẻ em mồ côi, trẻ khuyết tật, trẻ có HIV, trẻ em lang thang, trẻ là con chồng/vợ, trẻ em ngoài giá thú, trẻ em có cha cờ bạc hay uống rượu, trẻ em có học lực thấp trong trường học và trẻ em nghèo.

### “Chúng em, những trẻ em xin kiến nghị:”

- **Cải thiện sự trao đổi thông tin về Luật pháp:**
  - Chính phủ nên có những biện pháp phổ biến rộng rãi và tăng cường hiểu biết về những bộ luật hiện hành trên phạm vi cấp quốc gia cho các đối tượng là lãnh đạo/chính quyền địa phương, các bậc cha mẹ và trẻ em. Đồng thời thông báo để những đối tượng này biết mọi hình thức bạo hành trẻ em là vi phạm pháp luật và gây ra những tổn hại nghiêm trọng cho trẻ.
  - Các bậc cha mẹ nên có nhận thức đầy đủ về Quyền trẻ em và các luật liên quan đến chống bạo hành trẻ em.
  - Nên có thêm các hình thức truyền thông về luật pháp thân thiện với trẻ em, sử dụng nhiều hơn nữa các hình thức diễn đàn cho trẻ em, như vậy các em có thể học hỏi về các quyền của mình và các luật pháp bảo vệ các quyền đó.
- **Nghiên cứu của Liên hợp quốc:** Chính phủ nên công bố các kết quả nghiên cứu của Liên hợp quốc về bạo hành trẻ em tới rộng rãi các đối tượng độc giả để giúp họ thấy được những điều thực tế đang diễn ra.
- **Báo cáo Chính phủ:** Lãnh đạo Chính phủ nên cởi mở trong việc cung cấp thông tin về tình hình bạo hành.
- Chính phủ nên cải thiện những **quy định về xử phạt các trường hợp phạm tội xâm hại tình dục.**
- **Cần thiết phải có một hệ thống bảo vệ trẻ em tốt hơn:** Trẻ em cần được khuyến khích khiếu nại và trình báo về các trường hợp bị xâm hại và bạo hành. Trẻ em cần một tổ chức hoặc địa điểm thân thiện giúp trẻ an toàn khi khiếu nại. Việc có thêm các Tổ chức bảo vệ trẻ em có thể đảm đương việc này.
- **Các hoạt động ngăn chặn nạn bạo hành** cần được tiến hành phổ biến ở một quy mô lớn hơn.



## SỰ THAM GIA

*“Sự tham gia của trẻ em rất quan trọng vì chúng em biết cha mẹ, thầy cô giáo qua cuộc sống hàng ngày với họ, gặp gỡ họ hàng ngày. Có thể họ biết điều này... nhưng chúng em biết về bản thân mình và các kinh nghiệm của mình tốt hơn cũng như chúng em biết chúng em mong muốn gì cho tương lai của mình.”*

(Thành viên Câu lạc bộ trẻ em và trẻ em lang thang tuổi từ 14 – 15 tại các tỉnh miền Trung)

### **“Theo quan điểm của chúng em, dưới đây là những vấn đề chính”**

- Có một số cha mẹ không ủng hộ việc trẻ em tham gia vào các hoạt động xã hội, các hoạt động tại trường học và cộng đồng. Họ không tôn trọng quan điểm của chúng em.
- Một số giáo viên không biết về Quyền trẻ em và do đó không biết về sự tham gia của trẻ em.

### **“Có những thành quả đã đạt được khi Quyền của chúng em được ghi nhận”**

**Trong trường học**, trẻ em có thể:

- Được đưa ra quan điểm về các bài học hoặc đưa ra câu hỏi/quan tâm thông qua hộp thư nhà trường; và
- Được viết bài cho các chương trình truyền thanh do Câu lạc bộ Măng non quản lý; cung cấp thông tin về Quyền trẻ em cho những bạn bè khác; đưa ra quan điểm của mình trong các cuộc họp sinh hoạt đội.

**Tại cộng đồng**, trẻ em có thể:

- Tham gia trong các hoạt động vui chơi giải trí, như thể thao hoặc ca hát;
- Tham gia vào các diễn đàn trẻ em, các tham vấn trẻ em trong Báo cáo Quyền trẻ em, và trong các hoạt động phòng chống HIV/AIDS

**Tại gia đình**

- Một số trẻ em có thể bày tỏ mối quan tâm và quan điểm của các em đến cha mẹ. Tuy nhiên mới chỉ có một vài trẻ em có được điều này.

### **“Còn những tồn tại đang diễn ra khi Quyền của chúng em chưa được thực hiện”**

**Tại trường học:**

- Một số giáo viên không lắng nghe và không tôn trọng quan điểm của trẻ. Các giáo viên này tạo áp lực cho các em và yêu cầu trẻ phải đồng ý với những quan điểm của họ, điều này khiến các em cảm thấy không tốt.
- Không có một cơ chế hiện hữu để bảo vệ trẻ em nếu các em nói lên sự thật hoặc đề cập đến các chủ đề nhạy cảm. Điều này dẫn đến việc trẻ em cảm thấy bị đe dọa hoặc lo sợ.
- Có nhiều trẻ em còn nhút nhát và không dám phát biểu trước những người lớn. Do đó các em không thể nói lên quan điểm của mình.

### **Tại cộng đồng:**

- Trẻ em không nhận được hỗ trợ hoặc sự tin cậy từ phía người lớn. .
- Chính quyền địa phương và các tổ chức liên quan không tạo ra các cơ hội vui chơi cho trẻ em và không thực sự coi trọng tới sự tham gia của trẻ em.

### **Tại gia đình:**

- Cha mẹ vẫn còn áp dụng những phương pháp truyền thống trong giáo dục con em họ. Các bậc cha mẹ còn thiếu các kỹ năng làm cha mẹ và thường không lắng nghe quan điểm của con em mình.
- Cha mẹ không đáp ứng được tất cả các nhu cầu của trẻ. Không chỉ trong những gia đình nghèo là những nơi thường không có khả năng đáp ứng nhu cầu của trẻ, ngay cả những gia đình giàu có vẫn gặp phải vấn đề này do cha mẹ vẫn nghĩ rằng trẻ em không có bất kỳ nhu cầu nào ngoài nhu cầu được giáo dục.

**“Chúng em, những trẻ em xin kiến nghị:”**

### **Chính phủ:**

- Cần ban hành một bộ luật riêng rẽ cho phép trẻ được thực hành quyền được tham gia và ứng xử với những người vi phạm đến quyền này.
- Tổ chức các khoá tập huấn cho cha mẹ về Quyền trẻ em và tâm lý trẻ em.
- Có hành động/biện pháp giúp giáo viên lắng nghe ý kiến của học sinh.
- Yêu cầu các lãnh đạo các nhà trường thực hiện các biện pháp kỷ luật nghiêm khắc đối với những giáo viên ngăn cản sự tham gia của trẻ em.

### **Cộng đồng:**

- Người lớn nên tôn trọng quan điểm của trẻ em.
- Trẻ em cần được bảo vệ khi nói lên tiếng nói của mình.
- Trẻ em cần được tham vấn trước khi ra các quyết định liên quan đến trẻ em.

### **Trẻ em:**

- Trẻ em nên có nhiều sự thông cảm và hiểu biết hơn đối với những trẻ em khác.
- Trẻ em nên chủ động hơn trong việc nói lên tiếng nói của mình.

## **GIÁO DỤC**

*“Giáo viên nên nâng cao phương pháp và kỹ năng giảng dạy , cân nhắc kỹ hơn về lịch làm việc tại trường học và sử dụng những từ ngữ đơn giản trong khi trao đổi với học sinh”  
(Học sinh từ 12 đến 14 tuổi tại Yên Bái)*

**“Theo quan điểm của chúng em, dưới đây là những vấn đề chính”**

- **Có nhiều trẻ em bỏ học vì các vấn đề cấp bách**, như: Tảo hôn, sự phân biệt đối xử trong trường học (bao gồm phân biệt đối xử đối với trẻ khuyết tật); trẻ em từ những gia đình nghèo

phải ở nhà trông em hoặc ông bà, hoặc không có đủ tiền để trả học phí; và tại các trường học không có đủ nhà vệ sinh được bảo dưỡng/vệ sinh thường xuyên nên trẻ không thích sử dụng các nhà vệ sinh này.

- **Chất lượng dạy và học vẫn còn hạn chế:** Ví dụ, một số học sinh không thể theo kịp với phương pháp dạy và học mới vì chúng không phù hợp với các nhu cầu đặc biệt của trẻ. Một số giáo viên không có động lực hoặc tâm huyết giảng dạy và chỉ quan tâm đến các học sinh có thành tích học tập tốt. Có sự phân biệt đối xử giữa học sinh có hạnh kiểm khá hoặc không khá, hoặc học sinh từ gia đình giàu và nghèo và giữa các học sinh có đi học thêm hoặc không đi học thêm. Việc sĩ số học sinh quá đông trong một lớp cũng khiến cho giáo viên không thể quan tâm đến nhu cầu của tất cả các học sinh trong lớp.

#### **“Có những thành quả đã đạt được khi Quyền của chúng em được ghi nhận”**

- Quyền được hưởng giáo dục nói chung. Ví dụ, giáo dục tiểu học là bắt buộc và miễn phí cho mọi trẻ em.

#### **“Còn những tồn tại đang diễn ra khi Quyền của chúng em chưa được thực hiện”**

- Phân biệt đối xử.
- Bạo hành.

#### **“Chúng em, những trẻ em xin kiến nghị:”**

#### **Giảm tỷ lệ bỏ học:**

- Hỗ trợ và cung cấp những điều kiện cần thiết cho trẻ em bỏ học có thể quay lại trường học.
- Có phương pháp sư phạm tốt hơn để tránh phân biệt đối xử hoặc tạo áp lực cho học sinh.
- Khuyến khích tỷ lệ chuyên cần của học sinh khuyết tật; tổ chức các lớp học ngoài giờ với các trình độ phù hợp với lượng kiến thức yêu cầu đối với các em đã bỏ học do kết quả học tập thấp.
- Bố trí thời gian học phù hợp nhằm tạo điều kiện cho trẻ em phải lao động có thể tiếp tục đi học.
- Đảm bảo chất lượng và sự phù hợp của giáo dục.
- Giáo viên nên tận tụy hơn với lớp và có hiểu biết về hoàn cảnh và tâm lý của học sinh của mình.

#### **Cơ sở vật chất trường học:**

- Tại các trường học nên có nhiều các nhà vệ sinh sạch và hợp vệ sinh.
- Nên có hệ thống nghe nhìn tại trường học để trẻ em có thể nói lên quan điểm của mình với những người khác.
- Trường học nên có các hệ thống ánh sáng phù hợp và hệ thống điện an toàn.
- Trường học nên có phòng y tế với các phương tiện cần thiết.
- Trường học nên tìm cách để các trẻ em khuyết tật có thể được chăm sóc và trông nom tại trường.

#### **Chất lượng giáo dục:**

- Giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học phù hợp cho từng đối tượng học sinh, sử dụng những cách giải thích dễ hiểu và cung cấp những ví dụ cụ thể và thực tế cho học sinh.
- Nên tạo điều kiện để học sinh có thể tham gia vào những hoạt động thực tế ngoài giờ.
- Giáo viên nên dạy trẻ những kỹ năng sống cần thiết như kỹ năng giao tiếp, các kỹ năng tự bảo vệ và kiến thức về sức khỏe sinh sản.

- Nên giảm sĩ số học sinh trong một lớp.

### **Giáo dục hoà nhập:**

- Cha mẹ của trẻ khuyết tật nên cho phép con em của họ tới trường.
- Giáo viên nên biết cách giảng dạy đối với trẻ khuyết tật.
- Chính quyền địa phương nên có những hỗ trợ cho giáo dục và các hoạt động vui chơi cho trẻ em khuyết tật nhằm giúp các em hoà nhập vào cộng đồng.

## **HIV/AIDS**

*“Khi em bị ốm, mẹ đưa em đến bệnh viện tinh. Nhưng trường học của em không được xem xét và các nhân viên tại bệnh viện nói rằng họ còn phải ưu tiên các trường hợp khác”*  
(Một em trai 10 tuổi có HIV/AIDS tại Hải Phòng)

### **“Theo quan điểm của chúng em, dưới đây là những vấn đề chính”**

- **Điều kiện kinh tế:** Những trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS hiện đang sống trong những điều kiện kinh tế rất khó khăn vì cha mẹ của các em đã mất, bỏ nhà ra đi hoặc thất nghiệp.
- **Kỳ thị và phân biệt đối xử:** Nhiều trẻ em chung sống với HIV/AIDS thường bị hàng xóm và cộng đồng bắt nạt và xa lánh.
- **Tiếp cận giáo dục:** Nhiều trẻ em không được tới trường hoặc phải bỏ học vì không có tiền, sức khoẻ yếu, hoặc bị các giáo viên và cha mẹ các bạn đồng lứa kỳ thị và phân biệt đối xử ở trường học.
- **Tiếp cận các dịch vụ chăm sóc y tế:** Nhiều trẻ em nhận thấy bản thân không nhận được những chăm sóc y tế đúng đắn và thường bị phân biệt đối xử, đặc biệt tại các cơ sở khám chữa bệnh công lập.

### **“Có những thành quả đã đạt được khi Quyền của chúng em được ghi nhận”**

- **Tiếp cận các thông tin về HIV/AIDS:** Tỷ lệ trẻ em chung sống với/có HIV/AIDS biết về HIV/AIDS là rất cao. Kiến thức và hiểu biết của các em về các đường lây truyền HIV/AIDS và cách phòng ngừa đã được cải thiện rất nhiều thông qua các hoạt động thông tin, giáo dục và truyền thông (IEC) có chất lượng. Tuy nhiên, số trẻ em không có HIV/AIDS có kiến thức đúng đắn về các đường lây truyền HIV/AIDS vẫn còn thấp.
- **Quyền được tham gia:** Một số trẻ em bị ảnh hưởng bởi/có HIV/AIDS đã được tạo cơ hội để có thể đối thoại trực tiếp với những nhà hoạch định chính sách và lãnh đạo các cấp huyện, tỉnh và quốc gia. Tuy nhiên, số trẻ em tham gia những diễn đàn đối thoại này còn ít và mới chỉ trong các địa bàn dự án nơi sinh sống của các trẻ em được tham vấn.

### **“Còn những tồn tại đang diễn ra khi Quyền của chúng em chưa được thực hiện”**

- Thiếu sự chăm sóc đúng đắn của cha mẹ.
- Hạn chế cơ hội tiếp cận giáo dục và các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ.
- Kỳ thị và phân biệt đối xử vẫn còn rất phổ biến.

## “Chúng em, những trẻ em xin kiến nghị:”

### **Giảm kỳ thi và phân biệt đối xử:**

- Các hoạt động truyền thông nên được tăng cường nhằm giúp cải thiện hiểu biết của cộng đồng về HIV/AIDS và từ đó giảm sự kỳ thị và phân biệt đối xử đối với những trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS
- Các trường học nên giữ bí mật về tình trạng sức khỏe của trẻ có HIV/AIDS tránh làm các trẻ em khác sợ hãi đồng thời tránh việc các em bị bạn bè xa lánh.

### **Tiếp cận thông tin/hỗ trợ tư vấn**

- Các hoạt động truyền thông cho cha mẹ về HIV/AIDS cần được tăng cường, trong đó nhấn mạnh đến các thông tin về đường lây truyền của HIV/AIDS và Luật phòng chống HIV/AIDS nhằm đảm bảo không có trường hợp bị lây HIV khi con em của họ chơi với trẻ em có HIV/AIDS.
- Thiết lập thêm các trung tâm tư vấn cho trẻ em có HIV.

### **Chăm sóc và hỗ trợ:**

- Cần có các hỗ trợ hơn nữa từ phía Chính phủ không chỉ đối với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe mà còn nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho những người có HIV/AIDS, đặc biệt là các trẻ em bị ảnh hưởng của HIV/AIDS.
- Cần cung cấp thuốc ARV tại các trung tâm y tế xã và các bệnh viên huyện. Hỗ trợ tài chính cũng cần thiết đối với những trẻ em phải đi đến các địa điểm chăm sóc y tế trên để làm các kiểm tra sức khỏe/điều trị định kỳ hàng tháng.
- Cần có các hỗ trợ tài chính để làm các xét nghiệm hàng tháng cho trẻ em nghèo để đảm bảo các em nhận được sự chăm sóc toàn diện.

### **Hỗ trợ cho giáo dục:**

- Trẻ em bị ảnh hưởng bởi/có HIV/AIDS cần nhận được các hỗ trợ về tài chính để tiếp tục học tập, ví dụ như miễn giảm học phí hoặc hỗ trợ các chương trình học bổng.
- Cần phát triển các mô hình trường học/lớp học thân thiện cho những trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, bao gồm trẻ bị ảnh hưởng/trẻ có HIV/AIDS nhằm giúp các em tự tin hơn ở trường học.
- Cần tổ chức các lớp dạy nghề cho thanh niên có HIV/AIDS để các em có thể tạo thêm thu nhập phụ giúp gia đình chi trả các chi phí phát sinh.

## **TRẺ EM NHẬP CỬ**

*“Họ đã nói rất hay rằng chúng em sẽ được ăn ngon, công việc không nặng nhọc nhưng trên thực tế em thấy rất chán. Bây giờ thì chúng em biết, chúng em mệt mỏi và rất nhớ trường học nhưng chúng em không biết làm gì bây giờ. Chúng em không biết hỏi ai bởi vì chúng em không biết ai ở đây và không được phép ra ngoài”.*

(Một em trai 14 tuổi hiện đang làm việc tại một xưởng may mặc tại Thành phố Hồ Chí Minh)

**“Theo quan điểm của chúng em, dưới đây là những vấn đề chính”**

### **Tiếp cận giáo dục:**

- Trẻ em nhập cư vẫn còn bị cộng đồng, trường học, giáo viên và các trẻ em khác phân biệt đối xử.
- Trẻ em người dân tộc thiểu số phải đối mặt với rất nhiều khó khăn liên quan đến vấn đề ngôn ngữ.
- Trẻ nhập cư phải làm việc để tạo thu nhập cho gia đình, do đó các em không có đủ thời gian cho việc học.

### **Tiếp cận đến chăm sóc sức khỏe**

- Nhiều trẻ em không có thẻ bảo hiểm y tế do mất giấy khai sinh trong quá trình di cư đến các vùng khác.

### **Lao động trẻ em:**

- Nhiều trẻ em nhập cư phải làm việc không có hợp đồng lao động hoặc không được trả công và phải làm việc nhiều giờ trong ngày.
- Trẻ em nhập cư được thuê làm giúp việc trong các gia đình (làm việc nhà, bán hàng, chạy bàn v.v) thường bị chủ thuê bóc lột trong một thời gian dài mà không được báo cáo về hoàn cảnh khó khăn của các em.

**“Có những thành quả đã đạt được khi Quyền của chúng em được ghi nhận”**

- **Quyền được tham gia:** Trẻ em nhập cư tại các vùng dự án của các Tổ chức phi chính phủ đã được chứng kiến nhiều thay đổi trong quá trình tham gia vào các dự án, như nghiên cứu hành động có sự tham gia, các hoạt động giáo dục đồng đẳng (giáo dục trẻ với trẻ) và những đóng góp của các em vào phát triển những tài liệu truyền thông giáo dục có chất lượng (IEC). Ngoài ra, các em còn đưa ra những thông điệp của mình đến những nhà làm chính sách cấp huyện và cấp quốc gia.
- **Quyền có giấy khai sinh:** Trước đây, phần lớn các trẻ em nhập cư trong các vùng dự án không thể đến trường vì bị mất giấy khai sinh. Hiện nay, chính quyền địa phương tại các vùng này đã được thuyết phục để cấp giấy khai sinh mới cho trẻ em của những gia đình nhập cư.
- **Quyền được chăm sóc y tế:** Trẻ em nhập cư dưới 6 tuổi hiện giờ có thể được phát các thẻ bảo hiểm y tế miễn phí. Trong các vùng dự án của các Tổ chức phi chính phủ, trẻ em nhập cư nghèo đã có các cơ hội tiếp cận tới dịch vụ khám sức khỏe miễn phí hàng tháng. Tuy nhiên, trẻ em nhập cư nghèo dưới 6 tuổi vẫn còn gặp phải nhiều khó khăn trong việc tiếp cận đến các dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng.

**“Còn những tồn tại đang diễn ra khi Quyền của chúng em chưa được thực hiện”**

- Quyền được bảo vệ khỏi sự phân biệt đối xử vẫn chưa thường xuyên được đáp ứng, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục và chăm sóc sức khỏe.
- Quyền được bảo vệ khỏi bị bỏ rơi và xâm hại rất ít khi được đáp ứng trong mọi hoàn cảnh.
- Bóc lột sức lao động trẻ em còn rất phổ biến đối với trẻ em nhập cư.

## “Chúng em, những trẻ em xin kiến nghị:”

### **Tiếp cận với giáo dục:**

- Giảm học phí và các khoản đóng góp khác đối với trẻ em nhập cư và hỗ trợ các em sách vở miễn phí.
- Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục đối với trẻ em cho các gia đình nhập cư và vận động trẻ em nhập cư đi học.
- Chính quyền địa phương nên tạo điều kiện đăng ký hộ khẩu cho các trẻ em nhập cư càng sớm càng tốt để các em có thể tới trường.

### **Tiếp cận với chăm sóc sức khỏe:**

- Phát thẻ bảo hiểm y tế miễn phí cho trẻ dưới 6 tuổi là không cần thiết. Thay vào đó nên đơn giản bằng cách chỉ cần cung cấp giấy tờ chứng minh là các em dưới 6 tuổi.
- Mở thêm các trung tâm chăm sóc sức khỏe và các đội khám sức khỏe lưu động để giúp các trẻ em nhập cư được tiếp cận tới các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

### **Lao động trẻ em:**

- Cần khuyến khích sự hợp tác chặt chẽ hơn nữa giữa các cơ quan hữu quan trong xác định các trường hợp bạo lực gia đình.
- Cần có một hệ thống hoặc tổ chức đáng tin cậy cung cấp những hỗ trợ cho/tham vấn với lao động là trẻ em nhập cư.

## BUÔN BÁN TRẺ EM

*“Trong tuần đầu tiên, người chủ nhà hàng bảo em làm việc nhà. Ông ta không cho bọn em ra ngoài bằng cách khoá bọn em lại trong phòng. Trong thời gian đó, em thấy có những người đàn ông lạ đến nhà hàng và sau đó ra đi cùng với một số cô gái. Em nhận ra rằng những cô gái này đi bán dâm với những người đàn ông đó. Sang tuần thứ hai, ông chủ cửa hàng ép em phải đi với một người đàn ông. Em từ chối nhưng người chủ dọa em bằng cách bắt phải hoàn lại số tiền mà người phụ nữ lạ mặt đã đưa cho em khi em bỏ nhà đi. Em không có tiền nên phải đồng ý. Em rơi vào tình trạng hoảng sợ sau ngày đó và người chủ thôi không bắt em phải đi khách trong cả tuần đó”.*

(Một em gái 17 tuổi bị buôn bán tại tỉnh Đồng Tháp)

### **“Theo quan điểm của chúng em, dưới đây là những vấn đề chính”**

- Con em của những nạn nhân bị buôn bán hồi hương vẫn còn bị cô lập và không nhận được sự quan tâm và chăm sóc đúng đắn từ phía cộng đồng. Những nạn nhân hồi hương thường bị họ hàng và cộng đồng phân biệt đối xử. Họ thường bị coi là “những kẻ gây ra lỗi lầm”.
- Trẻ em là con em của những nạn nhân được hồi hương thường phải đối mặt với vấn đề về đăng ký hộ khẩu.
- Những người dân ngoài vùng dự án của các Tổ chức phi chính phủ không có đủ thông tin về những trường hợp buôn bán người, đặc biệt là buôn bán trẻ em.

### “Có những thành quả đã đạt được khi Quyền của chúng em được ghi nhận”

- **Quyền được tham gia:** Tương tự như đối với trẻ em nhập cư.
- **Quyền có giấy khai sinh:** Chính quyền địa phương tại các địa bàn dự án của các tổ chức phi chính phủ đã có nhiều nỗ lực để giúp những trẻ em sinh ra ở nước ngoài do mẹ là nạn nhân của buôn bán người được có giấy khai sinh nhằm giúp các em tiếp cận với giáo dục và các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

### “Còn những tồn tại đang diễn ra khi Quyền của chúng em chưa được thực hiện”

- Quyền được bảo vệ khỏi sự phân biệt đối xử thường không được đáp ứng.
- Quyền được bảo vệ khỏi bóc lột và lạm dụng thường không được đáp ứng.
- Bóc lột sức lao động trẻ em vẫn là tình trạng phổ biến đối với những trẻ em bị buôn bán.

### “Chúng em, những trẻ em xin kiến nghị:”

#### **Bảo vệ nạn nhân:**

- Chính quyền địa phương các cấp, các cơ quan và các tổ chức quần chúng, các gia đình và người dân trong cộng đồng nên hỗ trợ những trẻ em là nạn nhân của buôn bán người, trẻ em bị bóc lột sức lao động và trẻ em bị xâm hại tình dục.

#### **Phòng ngừa:**

- Trẻ em nên được tiếp cận nhiều hơn các thông tin để giúp các em có thể bảo vệ bản thân khỏi bị buôn bán và lạm dụng - đặc biệt với trẻ em là người dân tộc thiểu số tại các vùng sâu, vùng xa/vùng núi.
- Nên tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức cho đối tượng cha mẹ để giúp các gia đình có thể bảo vệ con em mình tốt hơn.
- Chính quyền địa phương nên xây dựng những trung tâm bảo trợ trẻ em, đặc biệt trong những tình huống khó khăn, như vậy trẻ em sẽ không bị buộc phải sống lang thang trên đường phố.
- Chính quyền địa phương nên tạo cơ hội đi học cho những trẻ em bị buôn bán nhằm giúp các em tránh xa khả năng bị đẩy ra đường phố, bị bóc lột và xâm hại.
- Những hình phạt nghiêm khắc nên được áp dụng đối với những đối tượng buôn bán, lạm dụng hoặc bóc lột trẻ em.



## PHỤ LỤC II: THÔNG TIN CƠ BẢN

### Hài hoà hoá nội luật và Công ước quốc tế

Những bộ luật quan trọng nhất liên quan đến báo cáo gồm:

- 2002 Bộ luật về tuổi lao động và nghiêm cấm lao động trẻ em;
- 2003 Bộ luật hình sự;
- 2003 Sắc lệnh về phòng chống và kiểm soát mại dâm;
- 2004 Luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em;
- 2005 Bộ luật dân sự;
- 2005 Luật giáo dục
- 2006 Luật về phòng chống HIV/AIDS;
- 2006 Luật về hỗ trợ pháp lý;
- 2007 Luật phòng chống bạo lực gia đình.

### Hợp tác với xã hội dân sự

Trong báo cáo phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2006 – 2010 (trang 91 và 140), Chính phủ có nhắc đến vai trò quan trọng của xã hội dân sự qua việc khuyến khích các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức xã hội và các liên đoàn tham gia phát triển các hệ thống an sinh xã hội và cung cấp các hỗ trợ cần thiết cho những đối tượng dễ bị tổn thương.

### Bạo hành và ngược đãi đối với trẻ em

Tại Việt Nam, có rất nhiều bộ luật và chính sách nghiêm cấm bạo lực và ngược đãi trẻ em, như Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004, cũng như các luật cấm bạo lực trong trường học và tại gia đình. Một hệ thống nhận khiếu kiện liên quan đến các trường hợp bạo lực đối với trẻ em đã được giao cho Ủy ban DSGĐ&TE trước đây. Nghị định 114/2006 đã quy định các biện pháp xử phạt hành chính đối với những đối tượng đánh đập hoặc làm bị thương trẻ em hoặc những người xúc phạm gây tổn thương tới tinh thần và tâm lý ở trẻ.

### HIV/AIDS

Việt Nam đã thông qua một số Luật và chính sách liên quan đến trẻ em bị ảnh hưởng/trẻ có HIV/AIDS. Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 (điều 54) đã quy định không phân biệt đối xử đối với những trẻ bị ảnh hưởng bởi/trẻ có HIV/AIDS. Chương trình quốc gia về phòng chống HIV/AIDS đến 2010 với Tầm nhìn 2010 đã tuyên bố tất cả các trẻ em có HIV/AIDS hoặc bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS sẽ được chăm sóc và cung cấp các phác đồ điều trị phù hợp, được chăm sóc và tư vấn; và được cam kết bảo vệ tránh phân biệt đối xử đối với những người có HIV/AIDS.

Luật phòng chống HIV có hiệu lực từ tháng 1 năm 2007 cùng với một chính sách mới cho đối tượng trẻ em có HIV/AIDS đã hỗ trợ tài chính cho các trẻ em mồ côi có HIV/AIDS. Nguồn hỗ trợ tài chính này trong năm 2008 đã tăng từ khoảng 120.000đ (7,5 USD) đến 180.000đ (11,2 USD) một tháng cho một trẻ em. (<http://vietnamnation.vn/Home/Socialaffairs/Disadvantaged-people-to-enjoy-bigger-allowances/20099/58441.nation>)

Bộ Y tế đã ước tính con số những người có HIV/AIDS căn cứ theo các số liệu về số người nhiễm năm 2007 như sau:

- 2005 – 262.000 trường hợp
- 2006 - 280.000 trường hợp
- 2007 – 300.000 trường hợp

Bộ Y tế cũng ước tính con số này sẽ tăng lên đến 350.000 trường hợp đến năm 2010. Điều đó có nghĩa là mỗi năm sẽ có trung bình từ 20.000 – 30.000 trường hợp mới.

## **Giáo dục**

Quyết định ra ngày 7/4/2008 của Bộ GD&ĐT về “Ban hành các Quy định về nhà trẻ” quy định trẻ em từ 3 tháng đến 6 tuổi phải được đăng ký tại các nhà trẻ, nhà mẫu giáo, các nhóm trẻ hoặc các lớp nuôi giữ trẻ độc lập.

Những vấn đề về tâm lý liên quan đến sức khoẻ tâm thần của học sinh tiểu học: không có khả năng hoà nhập với môi trường tại trường học (làm việc riêng trong giờ học, không hoà đồng với bạn bè, đánh nhau với bạn); mất tập trung, lo lắng hoặc sợ đến trường, không kiểm soát được hành vi (chạy chơi trong lớp, nói tục chửi bậy, không nghe theo lời khuyên của giáo viên); khó khăn với đọc và viết; mất các kiến thức chung (Nguồn: Khoa Tâm lý nhà trường, trường tiểu học Việt – Anh Số 57, khu 3, Phạm Ngũ Lão, Thị xã Thủ Dầu 1 đã báo cáo lên Trung tâm Tham vấn và Hỗ trợ tâm lý - giáo dục phát triển cộng đồng tháng 9 năm 2008).

Những vấn đề về tâm thần/tâm lý của học sinh trung học cơ sở: Lo lắng – 13.3%, chán nản – 8.4%, sợ bị nhục mạ - 10%, đái dầm – 6.3% (nguồn: trích từ các báo cáo khoa học “*Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới sức khoẻ tâm thần của học sinh tại một số trường trung học cơ sở*” do Tiến sĩ Lê Thị Bưởi và đồng sự tiến hành tại hội thảo mùa hè về” Các biện pháp can thiệp và phòng ngừa các vấn đề về sức khoẻ tâm thần cho trẻ em Việt Nam” trang 36, Hà Nội năm 2007).

Những vấn đề về tâm thần/tâm lý của học sinh trung học phổ thông: chán nản, bỏ học, đánh nhau với bạn, sử dụng chất kích thích, mất định hướng trong cuộc sống, học không có chất lượng, mâu thuẫn với giáo viên, quan hệ tình dục sớm (Nguồn: trích dẫn từ “*Chẩn đoán bệnh trầm cảm trong các trường Trung học phổ thông tại Hà Nội*” do Tiến sĩ Nguyễn Bá Đạt cùng đồng nghiệp tổ chức năm 2002)

## **Giáo dục hoà nhập và trẻ em khuyết tật**

Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2001 – 2020 đã được Chính phủ Việt Nam thông qua. Mục tiêu của Chiến lược là tăng tỷ lệ nhập học cho trẻ khuyết tật tại các lớp hoà nhập, bán hoà nhập hoặc các lớp giáo dục đặc biệt từ 50% năm 2005 lên 70% năm 2020.

Một hệ thống quản lý giáo dục cho trẻ em khuyết tật đã được thiết lập tại 64 tỉnh thành. Năm 2002, Bộ GD&ĐT đã ban hành Quyết định số 4431/QĐ-BGD&ĐT-TCCB về thành lập Ban chỉ đạo về giáo dục cho trẻ khuyết tật (SCEDC). Đây là cơ quan tham mưu cho Bộ trưởng Giáo dục về các vấn đề liên quan đến giáo dục cho trẻ khuyết tật tại Việt Nam, đồng thời là cơ quan chịu trách nhiệm về các hoạt động nâng cao nhận thức, khảo sát, lập kế hoạch phát triển nhân sự và đề xuất chính sách.

Tháng 5 năm 2006, Bộ GD&ĐT đã phê chuẩn Quy định về giáo dục cho người khuyết tật. Chương trình hành động quốc gia về giáo dục cho trẻ khuyết tật cũng đã được xây dựng với tầm nhìn đến 2015 mọi trẻ em khuyết tật sẽ có cơ hội bình đẳng với các trẻ em khác về giáo dục có chất lượng và được nhận các hỗ trợ toàn diện để các em có thể phát triển mọi tiềm năng, được tham gia và đóng góp vào sự phát triển của xã hội.

Một mô hình giáo dục hoà nhập phù hợp với điều kiện của Việt Nam hiện nay cũng đang được thực hiện với quyết tâm cao. Số trẻ em khuyết tật được đến các trường công lập do nhà nước tài trợ đã tăng từ 42.000 năm 1996 lên 270.000 em trong năm 2006<sup>46</sup>. Các chương trình giáo dục hoà nhập tại các trường Đại học/Cao đẳng và mạng lưới đào tạo các cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên làm việc với trẻ em khuyết tật đã được thiết lập. Hiện tại có 4 trường đại học sư phạm và 3 trường cao đẳng đã có khoa giáo dục đặc biệt. Số giáo viên và cán bộ giáo dục được tham gia các khoá tập huấn ngắn hạn và có bằng cấp về giáo dục đặc biệt đã tăng lên. Sự phát triển của giáo dục hoà nhập, việc phát triển trung tâm dữ liệu về giáo dục hoà nhập hiện đang được nỗ lực triển khai trên cả nước. Quá trình phân cấp này có tiềm năng đem lại lợi ích cho rộng rãi các trẻ em khuyết tật và gia đình các em.

### **Buôn bán và bắt cóc trẻ em**

Chính phủ đã thông qua một số các chính sách, Luật và đã ký một số các thoả thuận quốc tế về chống buôn bán người, bao gồm Biên bản ghi nhớ COMMIT về hợp tác chống buôn bán người và việc Việt Nam tham gia điều phối các sáng kiến cấp bộ trưởng về phòng chống buôn bán người tại các nước tiểu vùng sông Mekong (COMMIT).

Năm 2004, Chính phủ Việt Nam đã ký một thoả thuận với Campuchia về phòng chống buôn bán phụ nữ và trẻ em. Năm 2004, một chương trình quốc gia cùng với một nhóm làm việc về chống buôn bán người đã được xây dựng và triển khai tại 62 tỉnh thành.

Cùng với chương trình hành động quốc gia chống buôn bán phụ nữ và trẻ em giai đoạn 2004 - 2010, Chính phủ Việt Nam đã ra một thông cáo chính thức xác định trách nhiệm của các cơ quan chính phủ liên quan. Năm 2003, Bộ Công an Việt Nam cũng đã ký một thoả thuận với Bộ công an nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa về vấn đề liên quan. Hiện tại một bộ tài liệu tập huấn về chống buôn bán người đã được hoàn thành và in ấn.

---

<sup>46</sup> Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2007.

## **PHỤ LỤC III: THƯ MỤC**

### **Tình hình chung về trẻ em Việt Nam giai đoạn 2002-2007**

Báo cáo các nhà tài trợ cho Hội nghị các nhà tài trợ cho Việt Nam. Báo cáo phát triển Việt Nam năm 2008 về Bảo trợ xã hội, Hà Nội: ngày 6, 7 tháng 12 năm 2007;

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Báo cáo Quốc gia lần thứ ba và bốn về thực hiện Công ước Quyền Trẻ em của Liên Hiệp Quốc tại Việt Nam trong giai đoạn 2002 – 2007. Hà Nội: 2008;

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Báo cáo về thực trạng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh thiếu niên và Nhi đồng Quốc hội. Hà Nội: 2008;

### **Hài hoà hoá giữa Công ước và Luật pháp quốc gia**

Đại sứ quán Thụy Điển năm 2001. Phân tích về ngành Luật tại Việt Nam;

Ủy ban liên ngành về đánh giá nhu cầu phát triển hệ thống luật pháp của Việt Nam;

Đánh giá toàn diện nhu cầu phát triển Hệ thống Pháp luật tại Việt Nam đến năm 2020. Hà Nội: 2002;

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Báo cáo Quốc gia lần thứ ba và bốn về thực hiện Công ước Quyền Trẻ em của Liên Hiệp Quốc tại Việt Nam trong giai đoạn 2002 – 2007. Hà Nội: 2008;

Nghị quyết Bộ chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam số 48 NQ/TV, ngày 24 tháng 5 năm 2005. Chiến lược phát triển và cải thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010 và định hướng cho giai đoạn 2020;

### **Các nguồn thông tin**

Báo cáo các nhà tài trợ cho Hội nghị các nhà tài trợ cho Việt Nam. Báo cáo phát triển Việt Nam năm 2008 về Bảo trợ xã hội, Hà Nội: ngày 6, 7 tháng 12 năm 2007;

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Báo cáo Quốc gia lần thứ ba và bốn về thực hiện Công ước Quyền Trẻ em của Liên Hiệp Quốc tại Việt Nam trong giai đoạn 2002 – 2007. Hà Nội: 2008;

### **Không phân biệt đối xử**

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Báo cáo Quốc gia lần thứ ba và bốn về thực hiện Công ước Quyền Trẻ em của Liên Hiệp Quốc tại Việt Nam trong giai đoạn 2002 – 2007. Hà Nội: 2008;

UNICEF. Điều tra Quốc gia về Vị thành niên và Thanh niên Việt Nam. Hà Nội: 2005;

UNICEF. Phân tích Thực trạng Trẻ em Việt Nam 2010; Chỉ số giám sát đa ngành của Việt Nam năm 2006. MICS 2006;

### **Tên và Quốc tịch**

Tổng cục Thống kê: Chỉ số Giám sát đa ngành. Việt Nam: 2006;

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Báo cáo Quốc gia lần thứ ba và bốn về thực hiện Công ước Quyền Trẻ em của Liên Hiệp Quốc tại Việt Nam trong giai đoạn 2002 – 2007. Hà Nội: 2008;

## **Ngược đãi và bạo hành trẻ em**

Đại học John Hopkins – CEFACOM. Báo cáo về du lịch mại dâm trẻ em: Dự án bảo vệ. 2006;

Tổ chức Save the Children Thụy Điển. Buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và tranh ảnh khiêu dâm trẻ em: Báo cáo bổ sung của một Tổ chức phi chính phủ cho Báo cáo của Chính phủ về Nghị định thư không bắt buộc về buôn bán trẻ em. Hà Nội: 2005

UNICEF. Điểm công báo về tình hình lạm dụng trẻ em. Hà Nội: 2006;

## **Y tế và dịch vụ chăm sóc sức khỏe**

Đại học Boston, Trung tâm Y tế và Phát triển Toàn cầu. Trẻ em và HIV/AIDS tại Việt Nam: Cách nhìn từ trẻ em có và/hoặc bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS và những người chăm sóc. Boston: 2009;

Tổng cục Thống kê. Chỉ số giám sát đa ngành. Việt Nam: 2006.

Báo cáo các nhà tài trợ cho Hội nghị nhóm tư vấn tại Việt Nam. Báo cáo Phát triển Việt Nam: Sự Bảo trợ xã hội. Hà Nội: ngày 6, 7 tháng 12 năm 2007;

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Báo cáo Quốc gia lần thứ ba và bốn về thực hiện Công ước Quyền Trẻ em của Liên Hiệp Quốc tại Việt Nam trong giai đoạn 2002 – 2007. Hà Nội: 2008;

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Kế hoạch Quốc gia về Hành động cho Trẻ em có HIV/AIDS đến 2010 và định hướng cho giai đoạn 2020. Hà Nội: 2008;

Tổ chức Y tế Thế giới. Towards Universal Access: Scaling Up Priority HIV/AIDS Interventions in the Health Sector. Ngày 2 tháng 8 năm 2008;

## **Giáo dục**

Tổng cục Thống kê. Chỉ số Giám sát đa ngành. Việt Nam: 2006

Bộ Y tế và Liên Hiệp Quốc. Tổng kết Điều tra Quốc gia ban đầu về thực trạng vệ sinh môi trường tại Việt Nam. Hà nội: 2007;

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Kế hoạch Quốc gia về Hành động cho Trẻ em có HIV/AIDS đến 2010 và định hướng cho giai đoạn 2020. Hà Nội: 2008;

Nguyễn Thị Mỹ Lộc. Yêu cầu về giáo dục chăm sóc sức khỏe tâm lý tại Việt Nam, Hà Nội 2007;

Tổ chức Save the Children Anh. Phân tích Thực trạng Quyền Trẻ em về Giáo dục. Chương trình Việt Nam: 2006;

UNICEF. Điều tra Quốc gia về Vi thành niên và Thanh niên Việt Nam. Hà Nội: 2005;

Việt Nam. Chương trình Hành động Quốc gia vì Trẻ em giai đoạn 2001 – 2011. Hà Nội: 2003;

## **Chung**

ChildFund. Báo cáo điều tra đánh giá về thực trạng trẻ em tại các xã nghèo miền núi thuộc tỉnh Hoà Bình và Bắc Cạn. Việt Nam: 2006.

Đặng Nguyên Anh, Di cư trong nước tại Việt Nam: Thách thức và cơ hội cho phát triển. Tham luận tại Hội nghị khu vực về Di cư và Phát triển tại châu Á. Lan Châu (Trung Quốc): 2006;

Nhóm các Tổ chức phi chính phủ cho Công ước quốc tế về Quyền trẻ em . Hướng dẫn cho các Tổ chức phi chính phủ khi báo cáo lên Ủy ban về Quyền trẻ em, , Geneve 2006, tái bản lần thứ 3;

Quỹ Châu Á, Phòng chống Buôn bán người tại Việt Nam: Bài học và Kinh nghiệm thực tiễn cho thiết kế và thực hiện chương trình trong tương lai 2002-2008. Hà Nội, 2008;